



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Tỉnh Bình Dương

Số 65 + 66

Ngày 04 tháng 4 năm 2025

MỤC LỤC

Trang

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN

13-3-2025	Quyết định số 01/2025/QĐ-UBND ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Phòng Nội vụ thành phố Thuận An.	03
14-3-2025	Quyết định số 02/2025/QĐ-UBND ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Thuận An.	15

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

14-3-2025	Quyết định số 12/2025/QĐ-UBND sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 22/2024/QĐ-UBND ngày 02 tháng 8 năm 2024 của UBND tỉnh quy định một số yếu tố ước tính doanh thu phát triển, chi phí phát triển của thửa đất, khu đất cần định giá theo phương pháp thặng dư và các yếu tố ảnh hưởng đến giá đất trong việc xác định giá đất cụ thể trên địa bàn tỉnh Bình Dương.	24
18-3-2025	Quyết định số 13/2025/QĐ-UBND ban hành Quy chế quản lý, vận hành, kết nối, đảm bảo an toàn thông tin và sử dụng Mạng truyền số liệu chuyên dùng trên địa bàn tỉnh Bình Dương.	27
20-3-2025	Quyết định số 14/2025/QĐ-UBND ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Công Thương tỉnh Bình Dương.	37

25-3-2025	Quyết định số 15/2025/QĐ-UBND ban hành Quy định về dạy thêm, học thêm trên địa bàn tỉnh Bình Dương.	55
26-3-2025	Quyết định số 16/2025/QĐ-UBND ban hành quy định phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ đối với đường Vành đai 3 Thành phố Hồ Chí Minh đoạn qua địa bàn tỉnh Bình Dương, đường Mỹ Phước – Bàu Bàng đoạn từ ĐT.741 đến Quốc lộ 13 và đường Tạo lực Bắc Tân Uyên – Phú Giáo – Bàu Bàng.	62

PHẦN VĂN BẢN KHÁC

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

04-3-2025	Quyết định số 651/QĐ-UBND về việc phân bổ chi tiết Kế hoạch đầu tư công năm 2025 vốn ngân sách trung ương (vốn ODA).	65
04-3-2025	Quyết định số 652/QĐ-UBND về việc điều chỉnh một số nội dung của Quyết định số 3716/QĐ-UBND ngày 18/12/2024 về giao Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 vốn ngân sách địa phương (điều chỉnh lần 6).	66
04-3-2025	Quyết định số 653/QĐ-UBND về việc điều chỉnh một số nội dung của Quyết định số 3834/QĐ-UBND ngày 27/12/2024 về phân bổ chi tiết Kế hoạch đầu tư công năm 2025 vốn ngân sách nhà nước.	68
17-3-2025	Quyết định số 777/QĐ-UBND phân công công tác của Chủ tịch, Phó Chủ tịch và Ủy viên Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương Khóa X, nhiệm kỳ 2021 – 2026.	72

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THUẬN AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 01/2025/QĐ-UBND

Thuận An, ngày 13 tháng 3 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức
của Phòng Nội vụ thành phố Thuận An**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy Nhà nước;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Thông tư số 05/2021/TT-BNV ngày 12 tháng 8 năm 2021 của Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Nội vụ thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Phòng Nội vụ thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện;

Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-HĐND ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Thuận An về thành lập Phòng Nội vụ thành phố Thuận An;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Nội vụ thành phố tại Tờ trình số 09/TTr-PNV ngày 12 tháng 3 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Phòng Nội vụ thành phố Thuận An.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 24 tháng 3 năm 2025 và thay thế Quyết định số 06/2021/QĐ-UBND ngày 25 tháng 10 năm 2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Thuận An.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND-UBND thành phố, Trưởng phòng Nội vụ, Thủ trưởng các phòng ban chuyên môn trực thuộc UBND thành phố, Chủ tịch UBND các xã, phường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
Đã ký: Nguyễn Thanh Tâm

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THUẬN AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Phòng Nội vụ thành phố Thuận An

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 01/2025/QĐ-UBND ngày 13 tháng 3 năm 2025
của Ủy ban nhân dân thành phố Thuận An)*

Chương I

VỊ TRÍ, CHỨC NĂNG VÀ NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN

Điều 1. Vị trí và chức năng

Phòng Nội vụ thành phố Thuận An (sau đây gọi tắt là Phòng) là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố; chấp hành sự lãnh đạo, quản lý về tổ chức, biên chế và công tác của Ủy ban nhân dân thành phố, đồng thời chấp hành sự chỉ đạo, kiểm tra, hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ của Sở Nội vụ tỉnh; Phòng có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng.

Phòng có chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện chức năng quản lý nhà nước về: Tổ chức hành chính, sự nghiệp nhà nước; chính quyền địa phương, địa giới đơn vị hành chính; cán bộ, công chức, viên chức và công vụ; cải cách hành chính; hội, tổ chức Phi Chính phủ; thi đua, khen thưởng; văn thư, lưu trữ nhà nước; thanh niên; lao động, tiền lương; việc làm; bảo hiểm xã hội; an toàn, vệ sinh lao động; người có công; bình đẳng giới; dân tộc và tín ngưỡng, tôn giáo.

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn

1. Trình Ủy ban nhân dân thành phố

a) Ban hành các quyết định thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân thành phố:

- Quy hoạch, kế hoạch phát triển và chương trình, biện pháp tổ chức thực hiện các nhiệm vụ về ngành, lĩnh vực Nội vụ trên địa bàn;

Phân cấp, ủy quyền nhiệm vụ quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực Nội vụ cho cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố và Ủy ban nhân dân các xã, phường;

- Quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức của Phòng Nội vụ.

b) Ban hành văn bản chỉ đạo, hướng dẫn theo ngành, lĩnh vực Nội vụ đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn theo quy định của Đảng, của pháp luật và chỉ đạo của cơ quan nhà nước cấp trên.

2. Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định bổ nhiệm nhân sự; dự thảo các văn bản về lĩnh vực lao động, người có công thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố theo quy định của Đảng và của pháp luật.

3. Tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, quy hoạch, kế hoạch, chương trình sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt; hướng dẫn, kiểm tra, thông tin, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, theo dõi thi hành pháp luật về các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước được giao.

4. Về tổ chức bộ máy

a) Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân thành phố trình Hội đồng nhân dân thành phố xem xét, quyết định việc thành lập, tổ chức lại, giải thể cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố.

b) Thẩm định đối với các dự thảo văn bản

- Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức của cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân thành phố;

- Thành lập, tổ chức lại, giải thể tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố (trừ trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định khác về cơ quan thẩm định);

- Thành lập, kiện toàn, sáp nhập, giải thể tổ chức phối hợp liên ngành thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố theo quy định của pháp luật.

5. Về vị trí việc làm, biên chế công chức và cơ cấu ngạch công chức

a) Thẩm định Đề án vị trí việc làm, Đề án điều chỉnh vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức của cơ quan, tổ chức thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân thành phố; tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân thành phố quyết định theo thẩm quyền hoặc trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định theo quy định của pháp luật và phân cấp quản lý của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

b) Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân thành phố

- Thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh kế hoạch biên chế công chức hàng năm hoặc điều chỉnh biên chế công chức thuộc Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân thành phố;

- Thực hiện giao biên chế công chức đối với cơ quan, tổ chức thuộc Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân thành phố trong tổng số biên chế công chức được cấp có thẩm quyền giao và theo phân cấp quản lý của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

c) Tổng hợp cơ cấu ngạch công chức của cơ quan, tổ chức thuộc Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân thành phố, trình Ủy ban nhân dân thành phố gửi Sở Nội vụ tổng hợp chung theo quy định của pháp luật.

6. Về vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập

a) Thẩm định Đề án vị trí việc làm, Đề án điều chỉnh vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của đơn vị sự nghiệp công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân thành phố. Trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt theo thẩm quyền hoặc trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt, điều chỉnh vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của đơn vị sự nghiệp công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên thuộc phạm vi quản lý.

b) Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân thành phố

- Thẩm định, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh kế hoạch số lượng người làm việc của đơn vị sự nghiệp công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên thuộc phạm vi quản lý;

- Quyết định giao, điều chỉnh số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước đối với đơn vị sự nghiệp công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên và số lượng người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp đối với từng đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm một phần chi thường xuyên thuộc phạm vi quản lý sau khi được cấp có thẩm quyền giao và theo phân cấp quản lý của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

c) Tổng hợp vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập theo mức độ tự chủ tài chính (do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên; bảo đảm một phần chi thường xuyên; tự bảo đảm chi thường xuyên; tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư) thuộc phạm vi quản lý của địa phương, trình Ủy ban nhân dân thành phố gửi Sở Nội vụ tỉnh theo quy định của pháp luật.

7. Về thực hiện chế độ, chính sách tiền lương, phụ cấp, sinh hoạt phí và tiền thưởng đối với cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng trong cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập

a) Tham mưu, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định theo thẩm quyền hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền quyết định việc nâng bậc lương thường xuyên, nâng bậc lương trước thời hạn và thực hiện các chế độ, chính sách về tiền lương, phụ cấp, sinh hoạt phí và tiền thưởng đối với cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng theo quy định của pháp luật và phân cấp quản lý của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

b) Hướng dẫn, kiểm tra, giải quyết theo thẩm quyền hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền giải quyết những vướng mắc trong việc thực hiện chế độ, chính sách tiền lương, phụ cấp, sinh hoạt phí và tiền thưởng đối với cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng trong cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn theo quy định của pháp luật và phân cấp quản lý của địa phương.

8. Về cải cách hành chính, cải cách chế độ công chức, công vụ

a) Tham mưu, trình Ủy ban nhân dân thành phố

- Quyết định phân công các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố chủ trì hoặc phối hợp thực hiện các nội dung, nhiệm vụ của công tác cải cách hành chính, cải cách chế độ công chức, công vụ.

- Quyết định các biện pháp đẩy mạnh cải cách hành chính, cải cách chế độ công chức, công vụ trên địa bàn.

b) Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân thành phố theo dõi, kiểm tra các cơ quan chuyên môn cùng cấp và Ủy ban nhân dân các xã, phường thực hiện công tác cải cách hành chính, cải cách chế độ công chức, công vụ trên địa bàn.

9. Về chính quyền địa phương

a) Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân thành phố

- Triển khai công tác bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của cơ quan cấp trên;

- Trình Hội đồng nhân dân thành phố bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các Ủy viên Ủy ban nhân dân thành phố theo quy định của pháp luật;

- Trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định việc thành lập, giải thể, nhập, chia khu phố, ấp; đặt tên, đổi tên khu phố, ấp trên địa bàn;

- Triển khai thực hiện công tác dân chủ ở cấp xã và trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập; công tác dân vận của chính quyền theo quy định của Đảng, của pháp luật và hướng dẫn của cơ quan cấp trên.

b) Thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố phê chuẩn kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường; việc điều động, tạm đình chỉ công tác, cách chức Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường và giao quyền Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường theo quy định của pháp luật.

c) Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện quản lý nhà nước đối với khu phố, ấp theo quy định của pháp luật và phân cấp quản lý của địa phương.

10. Về địa giới đơn vị hành chính

Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân thành phố:

a) Trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định Đề án thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính, đặt tên, đổi tên đơn vị hành chính và giải quyết tranh chấp liên quan đến địa giới đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã; việc công nhận phân loại đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã; xã an toàn khu, vùng an toàn khu.

b) Quản lý hồ sơ, mốc, bản đồ địa giới đơn vị hành chính của cấp huyện, cấp xã ở địa phương theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của cơ quan nhà nước cấp trên.

c) Triển khai thực hiện các đề án, văn bản liên quan đến địa giới đơn vị hành chính sau khi được cấp có thẩm quyền quyết định.

11. Về cán bộ, công chức, viên chức; cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, khu phố, ấp

Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân thành phố:

a) Thực hiện việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý đối với cán bộ, công chức, viên chức, cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, khu phố, ấp thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân thành phố theo quy định của Đảng, của pháp luật và phân cấp quản lý của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

b) Thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng đối với cán bộ, công chức và người hoạt động không chuyên trách cấp xã và các đối tượng khác theo quy định của pháp luật và phân cấp quản lý của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

12. Về tổ chức Hội, tổ chức Phi Chính phủ

Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện quản lý nhà nước về hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện, tổ chức Phi Chính phủ trong nước theo quy định của pháp luật, phân cấp quản lý của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và theo ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

13. Về văn thư, lưu trữ nhà nước

Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức thực hiện, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các chế độ, quy định về văn thư, lưu trữ nhà nước đối với các cơ quan, tổ chức ở thành phố, các xã, phường theo quy định của pháp luật và phân cấp quản lý của địa phương.

14. Về tín ngưỡng, tôn giáo, dân tộc

Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân thành phố:

a) Quản lý nhà nước về hoạt động tín ngưỡng và các cơ sở tín ngưỡng không phải là di tích lịch sử, văn hóa, danh lam thắng cảnh đã được xếp hạng hoặc đã được đưa vào danh mục kiểm kê di tích của địa phương.

b) Giải quyết những vấn đề cụ thể về tín ngưỡng, tôn giáo theo quy định của pháp luật, phân cấp quản lý của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và hướng dẫn của Sở Nội vụ tỉnh.

c) Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác dân tộc.

15. Về thanh niên

a) Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân thành phố

- Tổ chức triển khai thực hiện chính sách, pháp luật, chiến lược, chương trình, kế hoạch, dự án, đề án phát triển thanh niên tại địa phương; xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác quản lý nhà nước về thanh niên;

- Thực hiện lồng ghép các chỉ tiêu, mục tiêu phát triển thanh niên khi xây dựng chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương hàng năm và từng giai đoạn, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của thanh niên.

b) Giải quyết theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền thực hiện cơ chế, chính sách đối với thanh niên; giải quyết những vấn đề liên quan đến thanh niên theo quy định của pháp luật và phân cấp quản lý của địa phương.

c) Quản lý, khai thác và công bố dữ liệu thông kê về thanh niên, chỉ số phát triển thanh niên tại địa phương theo quy định của pháp luật.

16. Về thi đua, khen thưởng

a) Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức các phong trào thi đua và triển khai thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về thi đua, khen thưởng trên địa bàn.

b) Thẩm định hồ sơ đề nghị khen thưởng của tập thể, cá nhân ở địa phương, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định khen thưởng hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền quyết định khen thưởng theo quy định của pháp luật.

c) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện kế hoạch, nội dung thi đua, khen thưởng trên địa bàn; xây dựng, quản lý và sử dụng Quỹ thi đua, khen thưởng theo quy định của pháp luật.

d) Làm nhiệm vụ thường trực của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng thành phố.

17. Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân thành phố hướng dẫn Ủy ban nhân dân các xã, phường thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn về công tác Nội vụ theo quy định của pháp luật và phân cấp quản lý của địa phương.

18. Nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ và xây dựng, quản lý, lưu trữ hệ thống thông tin phục vụ công tác quản lý nhà nước của Phòng Nội vụ.

19. Tổng hợp, thống kê, sơ kết, tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện đối với lĩnh vực được giao quản lý. Thực hiện việc thông tin, báo cáo Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố, Sở Nội vụ tỉnh và cơ quan có thẩm quyền về tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao theo quy định của pháp luật.

20. Quản lý tổ chức bộ máy; vị trí việc làm, biên chế công chức, cơ cấu ngạch công chức và thực hiện chế độ, chính sách đối với công chức của Phòng Nội vụ theo quy định của pháp luật và phân cấp quản lý của địa phương.

21. Quản lý và chịu trách nhiệm về tài chính, tài sản được giao theo quy định của pháp luật và phân cấp quản lý của Ủy ban nhân dân thành phố.

23. Thực hiện các quy định về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và các quy định khác về quản lý nội bộ tại Phòng Nội vụ.

23. Kiểm tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, kiến nghị, phản ánh và xử lý theo thẩm quyền hoặc tham mưu cấp có thẩm quyền xử lý các vi phạm trong lĩnh vực được giao theo quy định của pháp luật.

24. Tổ chức thực hiện các văn bản pháp luật, quy hoạch, kế hoạch sau khi được phê duyệt; thông tin, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về lĩnh vực lao động, người có công được giao; theo dõi thi hành pháp luật.

25. Giúp Ủy ban nhân dân thành phố quản lý nhà nước theo quy định của pháp luật đối với tổ chức kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân, các hội và tổ chức phi chính phủ hoạt động trên địa bàn thuộc lĩnh vực lao động, người có công.

26. Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định đối với tổ chức dịch vụ việc làm, cơ sở cung cấp dịch vụ hỗ trợ bình đẳng giới, dịch vụ phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới trên địa bàn theo quy định của pháp luật và theo phân công hoặc ủy quyền.

27. Quản lý các công trình ghi công liệt sĩ, mộ liệt sĩ trên địa bàn theo phân cấp.

28. Tiếp nhận hồ sơ và thực hiện xác định số lao động thuộc diện tham gia bảo hiểm xã hội tạm thời nghỉ việc đối với cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân thành phố quản lý xin tạm dừng đóng vào quỹ hưu trí và tử tuất; thực hiện quản lý nhà nước về bảo hiểm xã hội trong phạm vi địa phương theo quy định của pháp luật và theo phân công hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân thành phố; rà soát, kiểm tra, đối chiếu danh sách đối tượng tham gia bảo hiểm y tế do Bộ Nội vụ quản lý.

29. Hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ về lĩnh vực lao động, người có công và xã hội đối với cán bộ, công chức các xã, phường trên địa bàn thành phố.

30. Phối hợp với các ngành, đoàn thể xây dựng phong trào toàn dân chăm sóc, giúp đỡ người có công với cách mạng.

31. Kiểm tra theo ngành, lĩnh vực được phân công phụ trách đối với tổ chức, cá nhân trong việc thực hiện các quy định của pháp luật.

32. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố giao và theo quy định của pháp luật.

Chương II **CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ BIÊN CHẾ**

Điều 3. Cơ cấu tổ chức

1. Phòng có 01 Trưởng phòng, 02 Phó trưởng phòng và các công chức, viên chức thuộc biên chế hành chính, sự nghiệp của Ủy ban nhân dân thành phố.

2. Trưởng phòng và Phó trưởng phòng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố bổ nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, từ chức, miễn nhiệm, thực hiện chế độ chính sách theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Biên chế

1. Số lượng biên chế của Phòng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định trong tổng số chỉ tiêu biên chế hành chính, sự nghiệp được giao.

2. Việc bố trí công tác đối với công chức, viên chức của Phòng Nội vụ phải căn cứ vào vị trí việc làm, tiêu chuẩn ngạch công chức, viên chức và phẩm chất, trình độ, năng lực của công chức, viên chức.

Chương III CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC, MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC VÀ TỔ CHỨC THI HÀNH

Điều 5. Chế độ làm việc

1. Phòng hoạt động theo chương trình, kế hoạch công tác hàng năm do Ủy ban nhân dân thành phố giao và theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được Ủy ban nhân dân thành phố quy định.

2. Phòng làm việc theo chế độ thủ trưởng. Trưởng phòng là người đứng đầu, chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố và trước pháp luật về thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và toàn bộ hoạt động của Phòng.

3. Phó Trưởng phòng là người giúp việc cho Trưởng phòng, được phân công phụ trách, theo dõi một hoặc một số mặt công tác cụ thể. Đồng thời chịu trách nhiệm trước Trưởng phòng và trước pháp luật về lĩnh vực công tác được phân công.

4. Khi Trưởng phòng vắng mặt, một Phó Trưởng phòng được Trưởng phòng ủy nhiệm điều hành các hoạt động của Phòng.

5. Công chức, viên chức, nhân viên do Trưởng phòng phân công theo lĩnh vực công tác phải chủ động xây dựng kế hoạch, lịch làm việc một cách khoa học, đảm bảo hoàn thành tốt nhiệm vụ và chịu trách nhiệm cá nhân về lĩnh vực được phân công.

Điều 6. Mối quan hệ công tác

1. Đối với Ủy ban nhân dân thành phố

a) Phòng Nội vụ chấp hành sự lãnh đạo và quản lý trực tiếp, toàn diện của Ủy ban nhân dân thành phố; có trách nhiệm đề xuất tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố về lĩnh vực công tác do Phòng quản lý. Trưởng phòng Nội vụ có trách nhiệm báo cáo công tác với Ủy ban nhân dân thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố theo chế độ quy định và theo yêu cầu đột xuất;

b) Khi triển khai tổ chức thực hiện chủ trương công tác của các Sở, Ngành có liên quan đến chương trình, kế hoạch công tác của Ủy ban nhân dân thành phố Trưởng phòng Nội vụ phải xin ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố.

2. Đối với Sở Nội vụ và Sở Dân tộc và Tôn giáo

Phòng Nội vụ chấp hành sự chỉ đạo, kiểm tra, hướng dẫn về chuyên môn nghiệp vụ của Sở. Trưởng phòng có trách nhiệm báo cáo công tác chuyên môn cho Sở Nội vụ, Sở Dân tộc và Tôn giáo theo định kỳ và theo yêu cầu đột xuất. Trước khi thực hiện các nội dung công tác do Sở chỉ đạo, Trưởng phòng phải báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố.

3. Đối với Ban Tổ chức Thành ủy

Phòng Nội vụ phối hợp với Ban Tổ chức Thành ủy trong công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ theo phân cấp và quy định hiện hành.

4. Đối với cơ quan chuyên môn, các đoàn thể thành phố

Phòng có mối quan hệ phối hợp, bình đẳng trong công tác với các cơ quan chuyên môn, các đoàn thể thành phố để hoàn thành nhiệm vụ được giao.

5. Đối với Ủy ban nhân dân các xã, phường

a) Có trách nhiệm hướng dẫn Ủy ban nhân dân xã, phường về nội dung công tác Nội vụ trên địa bàn;

b) Thực hiện chế độ kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ công tác nội vụ đối với các xã, phường.

Điều 7. Chế độ hội họp, báo cáo

1. Thực hiện chế độ hội họp, báo cáo hàng tháng, quý, năm và đột xuất theo quy định của Ủy ban nhân dân thành phố.

2. Định kỳ hàng tháng, quý Phòng tổ chức họp lãnh đạo, họp cơ quan để nắm tình hình công việc, chỉ đạo triển khai thực hiện nhiệm vụ của đơn vị.

Điều 8. Khen thưởng, kỷ luật

1. Tập thể, cá nhân có thành tích trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao thì được khen thưởng theo pháp luật Thi đua - Khen thưởng.

2. Tập thể, cá nhân có hành vi vi phạm Quy định này hoặc những quy định khác của pháp luật thì tùy theo tính chất và mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Tổ chức thi hành

1. Trưởng phòng có trách nhiệm triển khai thực hiện quy định này, đồng thời cụ thể hóa thành quy chế làm việc có phân công cụ thể cho từng bộ phận, từng công chức của cơ quan.

2. Thủ trưởng các cơ quan hành chính sự nghiệp thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường có trách nhiệm phối hợp cùng với Phòng Nội vụ thực hiện tốt các mặt công tác có liên quan theo nội dung quy chế này.

3. Trong quá trình thực hiện nếu có văn bản hướng dẫn mới hoặc phát sinh vướng mắc cần sửa đổi bổ sung quy định này, Trưởng phòng Nội vụ tổng hợp đề nghị Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THUẬN AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 02/2025/QĐ-UBND

Thuận An, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức
của Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Thuận An**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy Nhà nước;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Thông tư số 05/2021/TT-BTNMT ngày 29 tháng 5 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Tài nguyên và Môi trường thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Phòng Tài nguyên và Môi trường thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện;

Căn cứ Thông tư số 30/2022/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ quyền hạn của cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và phát triển nông thôn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện;

Căn cứ Nghị quyết số 02/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân thành phố Thuận An về thành lập Phòng Nông nghiệp và Môi trường thành phố Thuận An;

Căn cứ Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 28/02/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Thuận An về điều chỉnh tên từ Phòng Nông nghiệp và Môi trường thành Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Thuận An;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố tại Tờ trình số 07/TTr-PTNMT ngày 12 tháng 3 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Thuận An.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 24 tháng 3 năm 2025 và thay thế Quyết định số 05/2021/QĐ-UBND ngày 18 tháng 10 năm 2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Thuận An.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND-UBND thành phố, Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường, Thủ trưởng các phòng ban chuyên môn trực thuộc UBND thành phố, Chủ tịch UBND các xã, phường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
Đã ký: Nguyễn Thanh Tâm

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THUẬN AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Thuận An

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 02/2025/QĐ-UBND ngày 13 tháng 3 năm 2025 của
Ủy ban nhân dân thành phố Thuận An)

Chương I

VỊ TRÍ, CHỨC NĂNG VÀ NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN

Điều 1. Vị trí và chức năng

Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Thuận An (sau đây gọi tắt là Phòng) là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố; chấp hành sự lãnh đạo, quản lý về tổ chức, biên chế và công tác của Ủy ban nhân dân thành phố, đồng thời chấp hành sự chỉ đạo, kiểm tra, hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh; Phòng có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng.

Phòng có chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện chức năng quản lý về đất đai, tài nguyên nước, tài nguyên khoáng sản, môi trường, nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản, phát triển nông thôn, phòng chống thiên tai, giảm nghèo; chất lượng, an toàn thực phẩm đối với nông sản, lâm sản, thủy sản; phát triển kinh tế hộ, kinh tế trang trại, kinh tế hợp tác xã nông, lâm, thủy gắn với ngành nghề, làng nghề; thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn theo sự ủy quyền của Ủy ban nhân dân thành phố và theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn

1. Trình Ủy ban nhân dân thành phố

a) Dự thảo Nghị quyết, Quyết định, Quy hoạch, Kế hoạch phát triển trung hạn và hàng năm về lĩnh vực nông nghiệp, đất đai, môi trường và giảm nghèo thuộc thẩm quyền ban hành của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố; chương trình, biện pháp tổ chức thực hiện các nhiệm vụ về lĩnh vực nông nghiệp, đất đai, môi trường và giảm nghèo thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp thành phố.

b) Dự thảo văn bản quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Phòng Tài nguyên và Môi trường.

2. Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố dự thảo quyết định và các văn bản khác về nông nghiệp, đất đai, môi trường và giảm nghèo thuộc thẩm quyền ban hành của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố.

3. Tổ chức thực hiện các văn bản pháp luật, quy hoạch, kế hoạch, chương trình và các văn bản khác về lĩnh vực nông nghiệp, đất đai, môi trường và giảm nghèo sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt; thông tin, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, theo dõi công tác thi hành pháp luật về nông nghiệp, đất đai, môi trường và giảm nghèo theo quy định pháp luật.

4. Về Nông nghiệp

a) Tổ chức thực hiện công tác phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp, sản xuất nông nghiệp hữu cơ, ứng dụng công nghệ cao; chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi; công tác phòng, chống thiên tai, sâu bệnh, dịch bệnh trên địa bàn thành phố.

b) Phòng chống thiên tai

- Thực hiện nhiệm vụ thường trực về công tác phòng, chống thiên tai; phối hợp tổ chức bảo vệ các công trình thủy lợi vừa và nhỏ; công trình cấp, thoát nước nông thôn, công trình phòng, chống thiên tai; quản lý mạng lưới thủy lợi trên địa bàn thành phố theo quy định của pháp luật.

- Tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố kế hoạch phòng, chống thiên tai; kế hoạch đầu tư, cải tạo, duy tu, bảo dưỡng, vận hành và bảo vệ các công trình phòng, chống thiên tai của địa phương theo phân công của Ủy ban nhân dân thành phố.

- Tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố kế hoạch thu, chi, quản lý, sử dụng Quỹ phòng, chống thiên tai theo quy định pháp luật.

c) Đầu mối tổ chức và hướng dẫn thực hiện nội dung liên quan đến phát triển nông thôn; báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố việc xây dựng và phát triển về các lĩnh vực: Phát triển kinh tế trang trại, kinh tế tập thể, hợp tác xã và liên kết trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; phát triển ngành nghề nông thôn; bảo hiểm nông nghiệp, hỗ trợ phát triển sản xuất và an sinh nông thôn; chế biến nông sản, thủy sản.

d) Tổ chức hoạt động thống kê, kê khai phục vụ yêu cầu quản lý theo quy định; thống kê diễn biến đất nông nghiệp, đất lâm nghiệp, mặt nước nuôi trồng thủy sản, thống kê, xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu về thủy lợi; tổ chức thực hiện các biện pháp canh tác phù hợp để khai thác và sử dụng hợp lý tài nguyên đất, nước cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản.

e) Quản lý về chất lượng, vật tư nông nghiệp, an toàn thực phẩm nông sản, lâm sản, thủy sản trên địa bàn thành phố theo quy định của pháp luật.

g) Quản lý các hoạt động dịch vụ phục vụ phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản; vật tư nông, lâm nghiệp, thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản, nuôi trồng thủy sản trên địa bàn thành phố.

h) Quản lý về công tác khuyến nông và các dự án phát triển nông nghiệp, thủy sản, thủy lợi; nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn.

5. Về đất đai

a) Tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của thành phố và tổ chức thực hiện sau khi được phê duyệt.

b) Thẩm định hồ sơ về giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho các đối tượng thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân thành phố.

c) Tham gia xác định giá đất, mức thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất của địa phương; tổ chức thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo quy định của pháp luật; tham mưu giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định trưng dụng đất, gia hạn trưng dụng đất; tham mưu giúp Ủy ban nhân dân thành phố trong công tác đấu giá quyền sử dụng đất trên địa bàn thành phố theo quy định.

6. Về tài nguyên nước

a) Thực hiện các biện pháp bảo vệ chất lượng tài nguyên nước, nguồn nước sinh hoạt tại địa phương; điều tra, thống kê, tổng hợp và phân loại giếng phải trám lấp.

b) Phối hợp tổ chức ứng phó, khắc phục sự cố ô nhiễm nguồn nước, theo dõi, phát hiện và tham gia giải quyết sự cố ô nhiễm nguồn nước theo thẩm quyền.

c) Phối hợp tổ chức đăng ký hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên nước theo thẩm quyền.

7. Về tài nguyên khoáng sản

a) Thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến việc cho thuê đất hoạt động khoáng sản, sử dụng hạ tầng kỹ thuật và các vấn đề khác có liên quan cho tổ chức, cá nhân được phép hoạt động khoáng sản theo quy định của pháp luật.

b) Thực hiện các biện pháp bảo vệ khoáng sản chưa khai thác, tài nguyên thiên nhiên khác theo quy định pháp luật.

c) Đề xuất việc huy động các lực lượng trên địa bàn để giải tỏa, ngăn chặn hoạt động khai thác khoáng sản trái phép; báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố về tình hình bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn theo quy định pháp luật.

8. Về môi trường

a) Tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố về xây dựng, ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành kế hoạch, các chương trình, đề án, dự án về bảo vệ môi trường của địa phương; thực hiện kiểm soát nguồn ô nhiễm; phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trên địa bàn theo quy định của pháp luật; tổ chức quản lý các nguồn thải trên địa bàn theo phân công, phân cấp.

b) Tổ chức thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải, khí thải công nghiệp của các cơ sở thuộc diện quản lý trên địa bàn thành phố theo quy định pháp luật; xây dựng báo cáo công tác bảo vệ môi trường; tham gia lập báo cáo hiện trạng môi trường theo quy định; tham mưu tổ chức thực hiện thống kê, báo cáo kết quả chỉ tiêu thống kê về môi trường; thực hiện công tác bảo vệ môi trường làng nghề trên địa bàn, cụm công nghiệp, khu du lịch trên địa bàn theo phân công của Ủy ban nhân dân thành phố và

theo quy định pháp luật; thu thập, quản lý lưu trữ dữ liệu về môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học trên địa bàn.

c) Triển khai các hoạt động bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học trên địa bàn theo quy định pháp luật.

9. Về giảm nghèo

a) Hướng dẫn và tổ chức thực hiện chế độ, chính sách giảm nghèo; chế độ, chính sách và pháp luật đối với người thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo, người có thu nhập thấp.

b) Hướng dẫn và tổ chức thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững theo thẩm quyền; các chương trình, đề án, dự án về giảm nghèo.

c) Tổng hợp, thống kê số liệu về người thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo.

10. Tham gia quản lý mốc đo đạc theo phân cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước khác về đo đạc và bản đồ theo phân cấp hoặc ủy quyền của cơ quan quản lý nhà nước cấp trên.

11. Tham gia xây dựng, cập nhật kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu của tỉnh, tổ chức thực hiện kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn thành phố, tổ chức thực hiện các chương trình, nhiệm vụ, dự án về biến đổi khí hậu theo phân công của Ủy ban nhân dân thành phố và Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh.

12. Thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về hoạt động khí tượng thủy văn theo phân cấp hoặc ủy quyền của cơ quan quản lý nhà nước cấp trên; tham gia bảo vệ công trình khí tượng thủy văn thuộc mạng lưới trạm khí tượng thủy văn quốc gia và trạm khí tượng thủy văn khác trên địa bàn; tham gia giải quyết, xử lý vi phạm về khí tượng thủy văn theo thẩm quyền.

13. Thẩm định, đăng ký, cấp, thu hồi các loại giấy phép, giấy chứng nhận về lĩnh vực nông nghiệp và môi trường theo quy định của pháp luật và theo phân công, phân cấp hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân thành phố.

14. Theo dõi, kiểm tra các tổ chức, cá nhân trong việc thực hiện các quy định của pháp luật về nông nghiệp, đất đai, môi trường và giảm nghèo; tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; phòng chống tham nhũng, lãng phí theo quy định pháp luật và phân công của Ủy ban nhân dân thành phố.

15. Thực hiện nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ; triển khai Chính quyền điện tử, chuyển đổi số hướng tới Chính phủ số về nông nghiệp nông nghiệp, đất đai, môi trường và giảm nghèo; xây dựng, quản lý, vận hành và cung cấp dữ liệu, thông tin, tư liệu về nông nghiệp, đất đai, môi trường và giảm nghèo theo quy định pháp luật và theo phân công của Ủy ban nhân dân thành phố.

16. Giúp Ủy ban nhân dân thành phố quản lý tổ chức và hoạt động của các Hội, tổ chức Phi Chính phủ trong lĩnh vực nông nghiệp, đất đai, môi trường và giảm nghèo thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân thành phố.

17. Giúp Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức tập huấn, bồi dưỡng và hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý nhà nước về nông nghiệp, đất đai, môi trường và giảm nghèo đối với công chức chuyên môn về nông nghiệp, đất đai, môi trường và giảm nghèo thuộc Ủy ban nhân dân xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan theo quy định pháp luật.

18. Quản lý, sử dụng công chức theo vị trí việc làm; đề xuất khen thưởng, kỷ luật, đào tạo và bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ đối với công chức thuộc phạm vi quản lý của Phòng Tài nguyên và Môi trường theo quy định pháp luật; quản lý và tổ chức sử dụng có hiệu quả công sản, tài sản và các phương tiện làm việc, tài chính và ngân sách được giao theo quy định của pháp luật và theo phân công hoặc ủy quyền của cơ quan nhà nước cấp trên.

19. Thực hiện công tác thông tin, báo cáo định kỳ và đột xuất về tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao với Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân thành phố, Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh.

20. Quản lý các hoạt động thu gom, vận chuyển chất thải sinh hoạt, công nghiệp thông thường trên địa bàn quản lý.

21. Tổ chức kiểm tra hoạt động thu gom, vận chuyển chất thải rắn công nghiệp thông thường trên địa bàn quản lý.

22. Lập kế hoạch hàng năm cho công tác thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn và gửi về Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh trước ngày 20 tháng 6 để tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh.

23. Tổ chức đấu thầu theo quy trình quy định thu gom chất thải rắn trên địa bàn thành phố hoặc ký hợp đồng đặt hàng với đơn vị vận chuyển tại địa bàn quản lý.

24. Giám sát thành phần và khối lượng chất thải sinh hoạt phát sinh trên địa bàn; kiểm tra, giám sát không để tình trạng chất thải rắn công nghiệp thông thường đổ vào các điểm tập kết hay các trạm trung chuyển. Kiểm tra, giám sát chất lượng vệ sinh trong các hoạt động thu gom, vận chuyển trên địa bàn của thành phố đối với chất thải rắn sinh hoạt.

25. Phối hợp với Phòng Kinh Tế, Hạ tầng và Đô thị trong quản lý các hoạt động quản lý chất thải rắn xây dựng và bùn thải từ bể tự hoại, bùn thải từ hệ thống thoát nước đô thị; trong việc xây dựng quy hoạch các điểm tập trung, tập kết và Trạm trung chuyển chất thải trên địa bàn thành phố.

26. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định pháp luật và theo phân công, phân cấp hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố và cơ quan nhà nước cấp trên.

Chương II **CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ BIÊN CHẾ**

Điều 3. Cơ cấu tổ chức

1. Phòng có 01 Trưởng phòng, 02 Phó Trưởng phòng và các công chức, người lao động thuộc biên chế hành chính của Ủy ban nhân dân thành phố.

2. Trưởng phòng và Phó Trưởng phòng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố bổ nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, từ chức, miễn nhiệm, thực hiện chế độ chính sách theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Biên chế

1. Số lượng biên chế của Phòng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định trong tổng số chỉ tiêu biên chế hành chính, sự nghiệp được giao.

2. Việc bố trí công tác đối với công chức, người lao động của Phòng Tài nguyên và Môi trường phải căn cứ vào vị trí việc làm, tiêu chuẩn ngạch công chức, và phẩm chất, trình độ, năng lực của công chức, người lao động.

Chương III

CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC, MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC VÀ TỔ CHỨC THI HÀNH

Điều 5. Chế độ làm việc

1. Phòng hoạt động theo chương trình, kế hoạch công tác hàng năm do Ủy ban nhân dân thành phố giao và theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được Ủy ban nhân dân thành phố quy định.

2. Phòng làm việc theo chế độ Thủ trưởng. Trưởng phòng là người đứng đầu, chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố và trước pháp luật về thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và toàn bộ hoạt động của Phòng.

3. Phó Trưởng phòng là người giúp việc cho Trưởng phòng, được phân công phụ trách, theo dõi một hoặc một số mặt công tác cụ thể. Đồng thời chịu trách nhiệm trước Trưởng phòng và trước pháp luật về lĩnh vực công tác được phân công.

4. Khi Trưởng phòng vắng mặt, một Phó Trưởng phòng được Trưởng phòng ủy nhiệm điều hành các hoạt động của Phòng.

5. Công chức, người lao động do Trưởng phòng phân công theo lĩnh vực công tác phải chủ động xây dựng kế hoạch, lịch làm việc một cách khoa học, đảm bảo hoàn thành tốt nhiệm vụ và chịu trách nhiệm cá nhân về lĩnh vực được phân công.

Điều 6. Mối quan hệ công tác

1. Đối với Ủy ban nhân dân thành phố

a) Phòng Tài nguyên và Môi trường chấp hành sự lãnh đạo và quản lý trực tiếp, toàn diện của Ủy ban nhân dân thành phố; có trách nhiệm đề xuất tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố về lĩnh vực công tác do Phòng quản lý. Trưởng phòng có trách nhiệm báo cáo công tác với Ủy ban nhân dân thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố theo chế độ quy định và theo yêu cầu đột xuất.

b) Khi triển khai tổ chức thực hiện chủ trương công tác của các Sở, Ngành có liên quan đến chương trình, kế hoạch công tác của Ủy ban nhân dân thành phố Trưởng phòng phải xin ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố.

2. Đối với Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh

Phòng Tài nguyên và Môi trường chấp hành sự chỉ đạo, kiểm tra, hướng dẫn về chuyên môn nghiệp vụ của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh. Trưởng phòng có trách nhiệm báo cáo công tác chuyên môn cho Sở Nông nghiệp và Môi trường theo định kỳ và theo yêu cầu đột xuất. Trước khi thực hiện các nội dung công tác do Sở chỉ đạo, Trưởng phòng phải báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố.

3. Đối với cơ quan chuyên môn, các đoàn thể thành phố

Phòng có mối quan hệ phối hợp, bình đẳng trong công tác với các cơ quan chuyên môn, các đoàn thể thành phố để hoàn thành nhiệm vụ được giao.

4. Đối với Ủy ban nhân dân các xã, phường

a) Có trách nhiệm hướng dẫn Ủy ban nhân dân các xã, phường về nội dung công tác Tài nguyên và Môi trường trên địa bàn;

b) Thực hiện chế độ kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ đối với các xã, phường.

Điều 7. Chế độ hội họp, báo cáo

1. Thực hiện chế độ hội họp, báo cáo hàng tháng, quý, năm và đột xuất theo quy định của Ủy ban nhân dân thành phố.

2. Định kỳ hàng tháng, quý Phòng tổ chức họp lãnh đạo, họp cơ quan để nắm tình hình công việc, chỉ đạo triển khai thực hiện nhiệm vụ của đơn vị.

Điều 8. Khen thưởng, kỷ luật

1. Tập thể, cá nhân có thành tích trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao thì được khen thưởng theo pháp luật Thi đua - Khen thưởng.

2. Tập thể, cá nhân có hành vi vi phạm Quy định này hoặc những quy định khác của pháp luật thì tùy theo tính chất và mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Tổ chức thi hành

1. Trưởng phòng có trách nhiệm triển khai thực hiện quy định này, đồng thời cụ thể hóa thành quy chế làm việc có phân công cụ thể cho từng bộ phận, từng công chức của cơ quan.

3. Trong quá trình thực hiện nếu có văn bản hướng dẫn mới hoặc phát sinh vướng mắc cần sửa đổi, bổ sung quy định này, Trưởng phòng đề nghị Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 12/2025/QĐ-UBND

Bình Dương, ngày 14 tháng 3 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 22/2024/QĐ-UBND ngày 02 tháng 8 năm 2024 của UBND tỉnh quy định một số yếu tố ước tính doanh thu phát triển, chi phí phát triển của thửa đất, khu đất cần định giá theo phương pháp thặng dư và các yếu tố ảnh hưởng đến giá đất trong việc xác định giá đất cụ thể trên địa bàn tỉnh Bình Dương

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai, Luật Nhà ở, Luật Kinh doanh bất động sản, Luật Các tổ chức tín dụng ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 71/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ quy định về giá đất;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 178/TTr-SNNMT ngày 13 tháng 3 năm 2025 và Báo cáo thẩm định số 45/BC-STP ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Sở Tư pháp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 22/2024/QĐ-UBND ngày 02 tháng 8 năm 2024 của UBND tỉnh quy định một số yếu tố ước tính doanh thu phát triển, chi phí phát triển của thửa đất, khu đất cần định giá theo phương pháp thặng dư và các yếu tố ảnh hưởng đến giá đất trong việc xác định giá đất cụ thể trên địa bàn tỉnh Bình Dương; cụ thể như sau:

1. Bổ sung điểm e khoản 2 Điều 1 Quyết định số 22/2024/QĐ-UBND như sau:

“e) Sử dụng thông tin, số liệu để ước tính tổng doanh thu phát triển và chi phí phát triển của thửa đất, khu đất như sau:

Việc ước tính tổng doanh thu phát triển, chi phí phát triển được căn cứ theo thông tin, số liệu của quy hoạch chi tiết xây dựng hoặc quy hoạch tổng mặt bằng hoặc hồ sơ thiết kế cơ sở hoặc hồ sơ thiết kế thi công; các hồ sơ, tài liệu, văn bản được cơ quan có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt phản ánh đầy đủ thông tin, tính chất, mục tiêu của khu đất/dự án cần định giá tính đến thời điểm Tổ chức thực hiện định giá đất đề xuất Báo cáo thuyết minh xây dựng phương án giá đất.

Trong trường hợp các hồ sơ, tài liệu, văn bản được cơ quan có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt không thể hiện thông tin cụ thể để tính toán thì Tổ chức thực hiện định giá đất tính toán theo thông tin, số liệu của dự án cần định giá do Chủ đầu tư cung cấp; Chủ đầu tư chịu trách nhiệm về thông tin, số liệu đã cung cấp.”

2. Bổ sung Khoản 5 Điều 1 Quyết định số 22/2024/QĐ-UBND như sau:

“5. Về xác định mức biến động của giá chuyển nhượng: Trường hợp không có số liệu của cơ quan thống kê hoặc cơ quan quản lý thị trường bất động sản thì Tổ chức thực hiện định giá đất nêu rõ việc không thu thập được số liệu trong Báo cáo thuyết minh xây dựng phương án giá đất và căn cứ theo chỉ số giá tiêu dùng nhóm nhà ở và vật liệu xây dựng bình quân 03 năm liền kề trước thời điểm định giá đất do cơ quan nhà nước có thẩm quyền công bố áp dụng trên địa bàn tỉnh Bình Dương để xác định mức biến động của giá chuyển nhượng.”

3. Bổ sung Khoản 6 Điều 1 Quyết định số 22/2024/QĐ-UBND như sau:

“6. Về việc khảo sát, thu thập, lựa chọn thông tin trong các phương pháp định giá đất:

a) Việc thu thập thông tin tài sản so sánh được thực hiện theo thứ tự ưu tiên được quy định tại Nghị định số 71/2024/NĐ-CP. Trường hợp không tìm được tài sản so sánh phù hợp nguyên tắc thị trường thì Tổ chức thực hiện định giá đất nêu rõ việc không thu thập được tài sản so sánh trong Báo cáo thuyết minh xây dựng phương án giá đất và tiến hành thu thập, điều tra, khảo sát các giao dịch phù hợp theo nguyên tắc thị trường.

b) Trường hợp không tìm đủ 03 tài sản so sánh tương đồng nhất định, có thuần một mục đích sử dụng, cùng vị trí với tài sản cần định giá thì Tổ chức thực hiện định giá đất nêu rõ trong Báo cáo thuyết minh xây dựng phương án giá đất và thực hiện như sau:

- Trường hợp không tìm được tài sản so sánh có cùng mục đích sử dụng:

+ Đối với tài sản cần định giá là đất ở, được lựa chọn tài sản so sánh có mục đích sử dụng hỗn hợp (vừa có đất ở, vừa có đất nông nghiệp) sau đó điều chỉnh về giá đất ở trước khi phân tích, tính toán (trong phương pháp so sánh);

+ Giữa nhóm đất nông nghiệp và nhóm đất phi nông nghiệp (có cùng vị trí, khu vực, tuyến đường), được điều chỉnh từ giá đất của loại đất này (đã xác định) sang giá đất của loại đất khác theo chênh lệch tỷ lệ phần trăm của cặp tài sản chứng cứ thị trường;

+ Trong cùng nhóm đất nông nghiệp hoặc nhóm đất phi nông nghiệp, giữa các loại đất (có cùng vị trí, khu vực, tuyến đường), được điều chỉnh từ giá đất của loại đất này (đã xác định) sang giá đất của loại đất khác theo chênh lệch tỷ lệ phần trăm của giá đất trong Bảng giá đất.

- Trường hợp không tìm được tài sản so sánh có cùng vị trí, được điều chỉnh từ giá đất của vị trí này (đã xác định) sang giá đất của vị trí khác (có cùng mục đích sử dụng, khu vực, tuyến đường) theo chênh lệch tỷ lệ phần trăm của giá đất trong Bảng giá đất.”

4. Sửa đổi đoạn cuối khoản 1 Mục I Phụ lục I, khoản 1 Mục I Phụ lục II, khoản 1 Mục I Phụ lục III, khoản 1 Mục I Phụ lục IV, khoản 1 Mục I Phụ lục V kèm theo Quyết định số 22/2024/QĐ-UBND như sau:

“Việc ước tính tổng chi phí đầu tư xây dựng căn cứ theo suất vốn đầu tư xây dựng đã được Bộ Xây dựng ký công bố trước thời điểm định giá đất và Chỉ số giá xây dựng của tháng liền kề (trường hợp chưa có Chỉ số giá xây dựng của tháng liền kề thì lấy chỉ số giá của quý liền kề) trước thời điểm định giá đất được Sở Xây dựng công bố.”

5. Sửa đổi, bổ sung khoản 3, khoản 4 Điều 2 Quyết định số 22/2024/QĐ-UBND như sau:

“3. Trong quá trình triển khai thực hiện, căn cứ tình hình thực tiễn của địa phương hoặc văn bản quy phạm pháp luật cấp trên có điều chỉnh, bổ sung, Sở Nông nghiệp và Môi trường chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan rà soát quy định này để tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

4. Các nội dung khác không được quy định tại Quyết định này thì thực hiện theo quy định tại Nghị định số 71/2024/NĐ-CP và các văn bản pháp luật có liên quan.”

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 17 tháng 3 năm 2025.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Hội đồng thẩm định giá các cấp, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành: Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường, Xây dựng, Tư pháp, Công thương, Chi cục Thuế khu vực XVI, Ban Quản lý các khu công nghiệp Bình Dương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
Đã ký: Võ Văn Minh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 13/2025/QĐ-UBND

Bình Dương, ngày 18 tháng 3 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH**Ban hành Quy chế quản lý, vận hành, kết nối, đảm bảo an toàn thông tin và sử dụng Mạng truyền số liệu chuyên dùng trên địa bàn tỉnh Bình Dương****ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH***Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/2/2025;**Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;**Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;**Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;**Căn cứ Luật An toàn thông tin mạng ngày 19 tháng 11 năm 2015;**Căn cứ Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023;**Căn cứ Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan Nhà nước;**Căn cứ Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ;**Căn cứ Thông tư số 12/2022/TT-BTTTT ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ;**Căn cứ Quyết định số 08/2023/QĐ-TTg ngày 05 tháng 4 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về Mạng truyền số liệu chuyên dùng phục vụ các cơ quan Đảng, Nhà nước;**Căn cứ Thông tư số 19/2023/TT-BTTTT ngày 25 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Quyết định số 08/2023/QĐ-TTg ngày 05 tháng 4 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về Mạng truyền số liệu chuyên dùng phục vụ các cơ quan Đảng, Nhà nước;**Theo đề nghị của Sở Thông tin và Truyền thông (nay là Sở Khoa học và Công nghệ) tại Tờ trình số 90/TTr-STTTT ngày 13 tháng 12 năm 2024,***QUYẾT ĐỊNH:****Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý, vận hành, kết nối, đảm bảo an toàn thông tin và sử dụng Mạng truyền số liệu chuyên dùng trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25 tháng 3 năm 2025 và thay thế Quyết định số 03/2019/QĐ-UBND ngày 18 tháng 02 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế quản lý, vận hành và sử dụng mạng truyền số liệu chuyên dùng cấp II của các cơ quan Đảng, Nhà nước trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Công an tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
Đã ký: Võ Văn Minh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ

**Quản lý, vận hành, kết nối, đảm bảo an toàn thông tin và sử dụng
Mạng truyền số liệu chuyên dùng trên địa bàn tỉnh Bình Dương**
(Kèm theo Quyết định số 13/2025/QĐ-UBND
ngày 18 tháng 3 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định về quản lý, vận hành, kết nối, đảm bảo an toàn thông tin và sử dụng Mạng truyền số liệu chuyên dùng các cơ quan Đảng, Nhà nước trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng cho các cơ quan, tổ chức cung cấp, quản lý và sử dụng Mạng truyền số liệu chuyên dùng trên địa bàn tỉnh.

Các cơ quan, đơn vị tham gia kết nối, sử dụng Mạng truyền số liệu chuyên dùng trên địa bàn tỉnh gồm: các cơ quan, tổ chức quy định tại Phụ lục II Quyết định số 08/2023/QĐ-TTg.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Mạng truyền số liệu chuyên dùng (Mạng TSLCD) là mạng kết nối các cơ quan Đảng, Nhà nước, được tổ chức, quản lý thống nhất, bảo đảm chất lượng, an toàn, bảo mật thông tin để trao đổi, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan Đảng, Nhà nước.

2. Mạng trực là hệ thống mạng trung gian phục vụ chuyển tiếp kết nối giữa mạng nội bộ, trung tâm dữ liệu và hệ thống thông tin của cơ quan, tổ chức sử dụng dịch vụ với nhau.

3. Mạng truy nhập là hệ thống gồm thiết bị đầu cuối, kênh truyền phục vụ kết nối từ mạng nội bộ, trung tâm dữ liệu và hệ thống thông tin của cơ quan, tổ chức sử dụng dịch vụ đến mạng trực. Mạng truy nhập gồm mạng truy nhập cấp I có phạm vi kết nối từ trung ương đến cấp tỉnh và mạng truy nhập cấp II có phạm vi kết nối từ cấp tỉnh đến cấp xã.

4. Mạng truy nhập cấp I do Cục Bưu điện Trung ương (BĐTW) trực tiếp quản lý, vận hành qua các nền tảng, hệ thống quản lý tập trung tại trung tâm điều hành mạng để cung cấp dịch vụ cho các cơ quan quy định tại khoản 1 Điều 2 Quyết định 08/2023/QĐ-TTg.

5. Mạng truy nhập cấp II do Sở Khoa học và Công nghệ trực tiếp quản lý, vận hành hoặc thuê doanh nghiệp cung cấp dịch vụ cho các cơ quan, tổ chức quy định tại Khoản 2 Điều 2 Quyết định số 08/2023/QĐ-TTg.

6. Mạng thông tin diện rộng của Đảng là mạng máy tính gồm các mạng máy tính nội bộ của các cơ quan, tổ chức đảng từ trung ương đến địa phương kết nối với nhau nhằm phục vụ sự lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của Trung ương Đảng, các cấp ủy và hoạt động của các cơ quan tham mưu, giúp việc Trung ương Đảng và các cấp ủy.

7. Chi phí sử dụng Mạng TSLCD truy nhập cấp II được đảm bảo từ nguồn ngân sách nhà nước theo nhu cầu và mức độ sử dụng thực tế của từng đơn vị trên cơ sở tiết kiệm và hiệu quả.

Điều 3. Danh mục dịch vụ, ứng dụng

1. Dịch vụ mạng riêng ảo.
2. Dịch vụ hội nghị truyền hình.
3. Các dịch vụ cơ bản khác theo quy định của Bộ Khoa học và Công nghệ.
4. Các ứng dụng trên Mạng TSLCD trên địa bàn tỉnh, bao gồm:
 - a) Hệ thống quản lý văn bản và điều hành của tỉnh;
 - b) Hệ thống giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh;
 - c) Ứng dụng phục vụ chỉ đạo, điều hành, xử lý công việc của cán bộ, công chức, viên chức tại các cơ quan Đảng tại địa phương;
 - d) Ứng dụng phục vụ chỉ đạo, điều hành, xử lý công việc tại Chính quyền điện tử, Chính quyền số;
 - đ) Ứng dụng phục vụ chỉ đạo, điều hành, xử lý công việc tại cơ quan thuộc Quốc hội tại địa phương;
 - e) Trục kết nối liên thông, nền tảng chia sẻ, tích hợp cấp tỉnh (LGSP) phục vụ truy cập, kết nối đến các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu dùng chung đặt tại Trung tâm dữ liệu của tỉnh;
 - g) Hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến, bao gồm: Hệ thống từ cấp tỉnh đến cấp huyện và hệ thống từ cấp huyện đến cấp xã;
 - h) Các hệ thống ứng dụng công nghệ thông tin, cơ sở dữ liệu chuyên ngành khác cần an toàn và bảo mật thông tin cao, có yêu cầu kết nối liên thông, trao đổi dữ liệu giữa các cơ quan, tổ chức trên địa bàn tỉnh;
 - i) Các ứng dụng khác phục vụ các cơ quan Đảng, Nhà nước tại địa phương.

Điều 4. Chất lượng

1. Dịch vụ Mạng TSLCD phải đáp ứng các yêu cầu về chỉ tiêu chất lượng kỹ thuật, chỉ tiêu chất lượng phục vụ theo Quyết định số 725/QĐ-CBĐTWN ngày 08/6/2023 của Cục BĐTW về việc ban hành Bộ chỉ tiêu chất lượng dịch vụ Mạng

truyền số liệu chuyên dùng và các quy định khác của Bộ Thông tin và truyền thông (đã ban hành) và Bộ Khoa học và Công nghệ.

2. Mạng TSLCD phải bảo đảm cung cấp dịch vụ liên tục 24 giờ trong 01 ngày và 07 ngày trong một tuần, kể cả ngày nghỉ lễ, Tết.

3. Mạng TSLCD phải được kiểm tra, rà soát, đánh giá thường xuyên, được nâng cấp để bảo đảm chất lượng dịch vụ.

Chương II **QUẢN LÝ, VẬN HÀNH, KẾT NỐI** **VÀ ĐẢM BẢO AN TOÀN THÔNG TIN**

Điều 5. Nguyên tắc quản lý, vận hành, xử lý sự cố

1. Quản lý chung:

a) Đảm bảo nguyên tắc hoạt động của mạng TSLCD theo Điều 4, Quyết định số 08/2023/QĐ-TTg;

b) Sở Khoa học và Công nghệ trực tiếp quản lý, vận hành hoặc thuê doanh nghiệp viễn thông cung cấp dịch vụ cho các cơ quan quy định tại khoản 2 Điều 2 Quyết định số 08/2023/QĐ-TTg và quy định pháp luật có liên quan.

c) Sở Khoa học và Công nghệ phối hợp với Văn phòng Tỉnh ủy trong quản lý mạng truy nhập cấp II phục vụ mạng thông tin diện rộng của Đảng trên địa bàn tỉnh.

2. Quản lý thiết bị

a) Văn phòng Tỉnh ủy, Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội - Hội đồng nhân dân tỉnh, Văn phòng UBND tỉnh có trách nhiệm bố trí địa điểm lắp đặt thiết bị đầu cuối mạng truy nhập cấp I đáp ứng yêu cầu kỹ thuật (nhiệt độ, nguồn điện đảm bảo cho thiết bị hoạt động 24/7,...), đảm bảo an toàn, an ninh; cử đầu mối hỗ trợ Cục BĐTW và doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trong công tác xử lý sự cố và quản lý, kiểm kê, đánh giá chất lượng thiết bị hàng năm. Thông báo cho Cục BĐTW và doanh nghiệp cung cấp dịch vụ khi có yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động của thiết bị.

b) Đối với thiết bị của mạng truy nhập cấp II: các cơ quan, đơn vị sử dụng có trách nhiệm bố trí địa điểm lắp đặt thiết bị đầu cuối mạng truy nhập cấp II đáp ứng yêu cầu kỹ thuật (nhiệt độ, nguồn điện, đảm bảo cho thiết bị hoạt động 24/7,...), đảm bảo an toàn, an ninh. Các cơ quan, đơn vị sử dụng thông báo cho đầu mối hỗ trợ của tỉnh và doanh nghiệp cung cấp dịch vụ khi có yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động của thiết bị.

3. Vận hành

a) Doanh nghiệp cung cấp, vận hành dịch vụ (*đơn vị được ký kết hợp đồng vận hành Mạng TSLCD cho tỉnh*) mạng truy nhập cấp II theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông (đã ban hành) và Bộ Khoa học và Công nghệ;

b) Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm phối hợp với doanh nghiệp cung cấp dịch vụ đồng giám sát, vận hành, quản lý kỹ thuật đảm bảo các ứng dụng của tỉnh hoạt động ổn định trên đường truyền mạng truy nhập cấp II.

4. Về xử lý sự cố

a) Sở Khoa học và Công nghệ là đầu mối xử lý sự cố mạng truy nhập cấp II, tiếp nhận cảnh báo từ Cục BĐTW, đơn vị sử dụng dịch vụ hoặc doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trên địa bàn tỉnh;

b) Các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ được thuê vận hành, xử lý sự cố theo quy định, báo cáo cho Sở Khoa học và Công nghệ và đơn vị sử dụng dịch vụ.

Điều 6. Kết nối

1. Thực hiện kết nối theo mô hình kết nối mạng quy định tại Điều 7, Thông tư 19/2023/TT-BTTTT; các quy định của Bộ Khoa học và Công nghệ và các quy định khác có liên quan.

2. Địa chỉ IP, định tuyến

a) Về địa chỉ IP:

- Thực hiện theo quy định của Bộ Khoa học và Công nghệ, Cục BĐTW và các quy định khác có liên quan;

- Việc sử dụng địa chỉ IP phải bảo đảm đúng mục đích, đối tượng và không trùng lặp giữa các dịch vụ, cơ quan, tổ chức;

b) Về định tuyến: việc quản lý, thiết lập chính sách định tuyến được quy định tại khoản 4, Điều 8, Thông tư số 19/2023/TT-BTTTT; các quy định của Bộ Khoa học và Công nghệ và các quy định khác có liên quan.

Điều 7. Đảm bảo an toàn thông tin mạng

1. Hệ thống thông tin kết nối vào Mạng truy nhập cấp II phải thực hiện qua cổng kết nối để bảo đảm an toàn thông tin và triển khai các dịch vụ, ứng dụng của Mạng TSLCD.

2. Hệ thống thông tin kết nối Mạng TSLCD phải đảm bảo an toàn thông tin theo cấp độ quy định tại Nghị định số 85/2016/NĐ-CP, đáp ứng các yêu cầu quy định tại Điều 9 và Điều 10 Thông tư số 12/2022/TT-BTTTT và quy định của pháp luật có liên quan.

3. Trung tâm dữ liệu, hệ thống thông tin, cổng kết nối phải được triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn thông tin mạng theo quy định và khắc phục lỗ hổng bảo mật (nếu có) trước khi kết nối Mạng truy nhập cấp II; kiểm tra định kỳ theo quy định của Bộ Khoa học và Công nghệ.

4. Phân vùng mạng tham gia kết nối vào Mạng truy nhập cấp II phải được thiết kế phân tách độc lập và có phương án quản lý truy nhập với các phân vùng mạng khác.

5. Khi hệ thống thông tin kết nối vào mạng truy nhập cấp II bị phát hiện không bảo đảm an toàn thông tin mạng, đơn vị quản lý, vận hành hệ thống thông tin cần phối hợp với đơn vị chủ quản thực hiện xử lý theo hướng dẫn.

Điều 8. Giám sát an toàn thông tin mạng và kiểm soát truy nhập

1. Đơn vị được giao quản lý tài khoản giám sát phải lưu giữ, bảo mật thông tin tài khoản, mật khẩu đăng nhập, định kỳ thay đổi và sử dụng mật khẩu đảm bảo an toàn thông tin.

2. Thông tin giám sát an toàn thông tin mạng của thiết bị, hệ thống thông tin kết nối Mạng TSLCD được chia sẻ về Trung tâm điều hành mạng theo hướng dẫn của Cục BDTW.

3. Máy chủ, máy trạm và thiết bị công nghệ thông tin khác kết nối vào Mạng TSLCD phải được cài đặt phần mềm phòng chống mã độc và được giám sát an toàn thông tin mạng tập trung.

4. Yêu cầu kỹ thuật tối thiểu đối với thiết bị đầu cuối quy định tại Phụ lục III, Thông tư 19/2023/TT-BTTTT, quy định của Bộ Khoa học và Công nghệ và các quy định khác có liên quan.

Điều 9. Kinh phí đảm bảo hoạt động cung cấp và sử dụng dịch vụ của Mạng TSLCD

Ngân sách địa phương đảm bảo kinh phí đầu tư, duy trì hoạt động và kinh phí sử dụng dịch vụ Mạng TSLCD cho các cơ quan quy định tại khoản 2 Điều 1 Quyết định này theo các quy định hiện hành về quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 10. Văn phòng Tỉnh ủy

1. Tham mưu cho Tỉnh ủy triển khai quản lý, kiểm tra, giám sát và báo cáo việc sử dụng mạng TSLCD của các cơ quan Đảng, đoàn thể, các tổ chức chính trị xã hội trên địa bàn tỉnh.

2. Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ trong quản lý Mạng TSLCD phục vụ mạng thông tin diện rộng của Đảng trên địa bàn tỉnh.

Điều 11. Sở Khoa học và Công nghệ

1. Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện quản lý, kiểm tra, giám sát và báo cáo hoạt động Mạng truy nhập cấp II trên địa bàn tỉnh theo quy định.

2. Tham mưu kế hoạch đưa các dịch vụ, ứng dụng dùng chung của tỉnh trên mạng truy nhập cấp II.

3. Phê duyệt lưu lượng băng thông đường truyền của mạng truy nhập cấp II cho các cơ quan, tổ chức tại khoản 2 Điều 1 Quyết định này.

4. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan ban hành theo thẩm quyền quy định kết nối và lập dự toán kinh phí sử dụng Mạng TSLCD truy nhập cấp II trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

5. Phối hợp Bộ Khoa học và Công nghệ, Cục BĐTW triển khai các nền tảng, hệ thống quản lý tập trung.

6. Phối hợp các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trong công tác triển khai kết nối và xử lý sự cố đối với mạng truy nhập cấp II.

7. Cung cấp cho Bộ Khoa học và Công nghệ, Cục BĐTW các đầu mối quản lý, vận hành, sử dụng và xử lý sự cố mạng truy nhập cấp II.

8. Quản lý tài khoản giám sát, quản lý tập trung, thường xuyên giám sát và phối hợp xử lý sự cố trên địa bàn, đảm bảo hoạt động của Mạng TSLCD là 24/7.

Điều 12. Sở Tài chính

Trên cơ sở đề nghị của Sở Khoa học và Công nghệ, tham mưu UBND tỉnh đảm bảo kinh phí từ ngân sách nhà nước cho hoạt động của Mạng TSLCD và việc sử dụng dịch vụ của các cơ quan Nhà nước theo các quy định của Quyết định này và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Điều 13. Các tổ chức, doanh nghiệp liên quan đến hoạt động cung cấp dịch vụ

1. Trách nhiệm của các tổ chức, doanh nghiệp liên quan đến hoạt động cung cấp dịch vụ được quy định tại Điều 15 Thông tư số 19/2023/TT-BTTTT và các quy định khác có liên quan.

2. Tổ chức thực hiện các quy định về dịch vụ, kết nối, bảo đảm an toàn thông tin, chất lượng theo quy định tại Quyết định này và quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông (đã ban hành), Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ Công an.

3. Bảo đảm hoạt động hạ tầng truyền dẫn phục vụ mạng truy cập cấp II.

4. Phối hợp Bộ Khoa học và Công nghệ, Cục BĐTW triển khai kết nối Mạng TSLCD bảo đảm cung cấp dịch vụ liên tục, chất lượng, an toàn và bảo mật thông tin.

5. Thực hiện cung cấp dịch vụ bảo đảm chất lượng dịch vụ và an toàn thông tin mạng theo quy định hiện hành.

6. Xác định và trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt cấp độ và triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ tương ứng.

7. Phối hợp với các đơn vị liên quan kiểm tra, xử lý sự cố kỹ thuật, bảo đảm chất lượng dịch vụ, an toàn và bảo mật thông tin.

8. Cung cấp tài khoản truy cập Phần mềm giám sát, đồng thời phối hợp Sở Khoa học và Công nghệ cùng giám sát tình hình khai thác và sử dụng đường Mạng truy nhập cấp II trên địa bàn tỉnh.

9. Thực hiện chế độ báo cáo: theo quy định tại Điều 12 của Thông tư 19/2023/TT-BTTTT, 1 lần/năm tính từ ngày 25 tháng 11 năm trước kỳ báo cáo cho đến ngày 24 tháng 11 của kỳ báo cáo được hướng dẫn tại khoản 1 Điều 4 của Thông tư 02/2023/TT-BTTTT (theo Mẫu 07, Mục 3, Phụ lục II kèm theo Thông tư 02/2023/TT-BTTTT).

10. Báo cáo đột xuất hoặc khi có phát sinh bất thường trong hoạt động quản lý, cung cấp và sử dụng Mạng TSLCD.

Điều 14. Các cơ quan, tổ chức sử dụng dịch vụ

1. Kiểm tra bảo đảm an toàn thông tin mạng nội bộ trước khi kết nối vào Mạng TSLCD và kiểm tra định kỳ theo quy định tại Nghị định số 85/2016/NĐ-CP của Chính phủ và quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông (đã ban hành), Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ Công an.

2. Giám sát an toàn thông tin, kiểm soát truy nhập hệ thống thông tin, mạng nội bộ khi kết nối vào Mạng TSLCD, chia sẻ thông tin giám sát theo quy định tại Quyết định này và hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông (đã ban hành), Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ Công an.

3. Quản lý, khai thác, duy trì thiết bị hoạt động ổn định, liên tục, bảo vệ thiết bị mạng của điểm kết nối đặt tại cơ quan, tổ chức theo quy định. Khi được giao thiết bị phải có biên bản bàn giao giữa doanh nghiệp cung cấp dịch vụ và đơn vị sử dụng Mạng TSLCD.

4. Đảm bảo nội dung, thông tin truyền đưa trên Mạng TSLCD theo đúng quy định của pháp luật.

5. Không thay đổi kết nối, thông số thiết lập mạng của các thiết bị liên quan đến Mạng TSLCD không thuộc thẩm quyền, gây xung đột tài nguyên, ảnh hưởng đến việc vận hành hệ thống Mạng TSLCD.

6. Chủ động xử lý sự cố tại cơ quan, tổ chức và thông báo cho đơn vị quản lý, vận hành.

7. Chịu trách nhiệm các vấn đề liên quan

a) Quản lý hệ thống tường lửa của cơ quan, tổ chức đối với Mạng TSLCD;

b) Quản lý bộ tập trung người dùng mạng riêng ảo của đơn vị được thiết lập (nếu có) trên nền tảng Mạng TSLCD;

c) Ghi lại các sự cố, lỗi xảy ra về kết nối Mạng TSLCD, về an toàn, bảo mật thông tin. Trường hợp có sự cố nghiêm trọng vượt quá khả năng khắc phục của đơn vị phải thông báo với Trung tâm Thông tin điện tử để phối hợp khắc phục kịp thời.

8. Khi có kế hoạch nâng cấp, bảo trì hệ thống mạng nội bộ có ảnh hưởng đến Mạng TSLCD, thông báo cho Sở Khoa học và Công nghệ và doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trước tối thiểu 05 ngày làm việc để phối hợp, nhằm đảm bảo phù hợp với quy hoạch tổng thể Mạng TSLCD.

9. Bảo đảm tuân thủ các quy định về quản lý, vận hành, kết nối đảm bảo an toàn thông tin và sử dụng Mạng TSLCD. Xây dựng quy chế nội bộ về việc sử dụng Mạng TSLCD.

10. Bảo đảm tuân thủ các quy định của pháp luật về viễn thông, về quản lý và cấp phép cung cấp thông tin, về chế độ bảo mật, an toàn thông tin.

Điều 15. Điều khoản thi hành

1. Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp các cơ quan, đơn vị có liên quan hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định về Quy chế quản lý, vận hành, kết nối, đảm bảo an toàn thông tin và sử dụng Mạng TSLCD trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

2. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức sử dụng Mạng TSLCD trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm triển khai thực hiện nghiêm túc Quy chế này.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có phát sinh, vướng mắc cần sửa đổi, bổ sung, các cơ quan, tổ chức có liên quan phản ánh về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, đề xuất, báo cáo, Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 14/2025/QĐ-UBND

Bình Dương, ngày 20 tháng 3 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn
và cơ cấu tổ chức của Sở Công Thương tỉnh Bình Dương**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BCT ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Công Thương hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn về Công Thương thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Thông tư số 15/2023/TT-BCT ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về sửa đổi, bổ sung một số thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Công Thương;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 907/TTr-SCT ngày 18 tháng 3 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Công Thương tỉnh Bình Dương.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 3 năm 2025 và thay thế các Quyết định sau:

1. Quyết định số 16/2022/QĐ-UBND ngày 20 tháng 5 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Công Thương tỉnh Bình Dương.

2. Quyết định số 37/2023/QĐ-UBND ngày 09 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Công Thương tỉnh Bình Dương ban hành kèm theo Quyết định số 16/2022/QĐ-UBND ngày 20 tháng 5 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Công Thương, Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH
Đã ký: Bùi Minh Thạnh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Công Thương tỉnh Bình Dương

*(Kèm theo Quyết định số 14/2025/QĐ-UBND ngày 20 tháng 3 năm 2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương)*

Chương I

VỊ TRÍ, CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN

Điều 1. Vị trí, chức năng

1. Vị trí

a) Sở Công Thương tỉnh Bình Dương (sau đây gọi tắt là Sở) là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương; chịu sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức, biên chế và công tác của Ủy ban nhân dân tỉnh, đồng thời chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn, thanh tra, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Bộ Công Thương;

b) Sở có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng theo quy định của pháp luật.

2. Chức năng

Sở thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước về công thương, bao gồm các ngành và lĩnh vực: Cơ khí; luyện kim; điện; năng lượng mới; năng lượng tái tạo; sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; dầu khí; hóa chất; vật liệu nổ công nghiệp; công nghiệp khai thác mỏ và chế biến khoáng sản (trừ vật liệu xây dựng thông thường và sản xuất xi măng); công nghiệp tiêu dùng; công nghiệp thực phẩm; công nghiệp hỗ trợ; công nghiệp môi trường; công nghiệp chế biến khác; tiểu thủ công nghiệp; khuyến công; hoạt động thương mại và lưu thông hàng hóa trên địa bàn; sản xuất và tiêu dùng bền vững; xuất khẩu, nhập khẩu; quản lý thị trường; dịch vụ logistics; xúc tiến thương mại; thương mại điện tử; dịch vụ thương mại; quản lý cạnh tranh; bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp; phòng vệ thương mại; hội nhập kinh tế quốc tế; cụm công nghiệp trên địa bàn.

Điều 2. Nhiệm vụ, quyền hạn

1. Trình Ủy ban nhân dân tỉnh:

a) Dự thảo nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, dự thảo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh liên quan đến ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Sở và các văn bản khác theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh;

b) Dự thảo kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực; chương trình, biện pháp tổ chức thực hiện các nhiệm vụ về ngành, lĩnh vực trên địa bàn tỉnh trong phạm vi quản lý của Sở;

c) Dự thảo quyết định quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở; dự thảo quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của chi cục và đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở;

d) Dự thảo quyết định thực hiện xã hội hóa các hoạt động cung ứng dịch vụ sự nghiệp công theo ngành, lĩnh vực thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh;

đ) Dự thảo quyết định việc phân cấp, ủy quyền nhiệm vụ quản lý nhà nước về lĩnh vực công thương cho Sở, các cơ quan chuyên môn có liên quan, tổ chức hành chính khác hoặc Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp dưới;

e) Dự thảo văn bản chỉ đạo, hướng dẫn theo ngành, lĩnh vực quản lý đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn tỉnh theo quy định của Đảng, của pháp luật và chỉ đạo của cơ quan nhà nước cấp trên.

2. Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh dự thảo các văn bản thuộc thẩm quyền ban hành của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh theo phân công.

3. Tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và các văn bản khác trong lĩnh vực công thương được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành hoặc phê duyệt; thông tin, tuyên truyền, hướng dẫn, phổ biến, giáo dục, theo dõi thi hành pháp luật về các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước được giao.

4. Về công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp:

a) Về công nghiệp cơ khí, luyện kim và công nghiệp điện tử:

Tham mưu xây dựng, trình ban hành và tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án, chính sách phát triển ngành công nghiệp cơ khí, luyện kim, công nghiệp điện tử; phát triển các sản phẩm cơ khí, điện tử trên địa bàn tỉnh.

b) Về công nghiệp hỗ trợ:

Tham mưu xây dựng, trình ban hành và phối hợp với các cơ quan liên quan để tổ chức thực hiện kế hoạch, chương trình, đề án, cơ chế chính sách hỗ trợ phát triển ngành công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn tỉnh.

c) Về điện lực, năng lượng mới, năng lượng tái tạo, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả:

Tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch, chương trình phát triển điện lực, phát triển việc ứng dụng năng lượng mới, năng lượng tái tạo, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, quản lý nhu cầu điện, điều chỉnh phụ tải trên địa bàn tỉnh;

Thẩm định hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hoạt động điện lực theo quy định; tổ chức thực hiện công tác cấp, thu hồi giấy phép hoạt động điện lực trong trường hợp được Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền; thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc đảm bảo các điều kiện trong giấy phép hoạt động điện lực;

Thực hiện xác nhận chưa đủ điều kiện cung cấp điện đối với lưới điện phân phối có cấp điện áp từ 35kV trở xuống tại địa phương theo đề nghị của đơn vị phân phối điện hoặc đơn vị phân phối và bán lẻ điện;

Chủ trì và phối hợp với đơn vị điện lực liên quan trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt danh sách khách hàng sử dụng điện quan trọng thuộc diện ưu tiên cấp điện khi bên bán điện thực hiện ngừng, giảm mức cung cấp điện trong hệ thống điện; thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện ngừng, giảm mức cung cấp điện đối với đơn vị điện lực thuộc địa bàn quản lý;

Tổ chức hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện công tác tập huấn, sát hạch và cấp thẻ Kiểm tra viên điện lực theo quy định của Bộ Công Thương;

Thực hiện công tác giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán điện có cấp điện áp dưới 110kV theo quy định;

Thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát các đơn vị bán lẻ điện thuộc địa bàn quản lý trong việc thực hiện giá bán điện theo quy định; thanh tra, kiểm tra và giám sát việc thực hiện giá bán lẻ điện tại các địa điểm cho thuê nhà thuộc địa bàn quản lý theo quy định;

Thẩm tra, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt đề án giá bán điện cho các đối tượng khách hàng sử dụng điện tại khu công nghiệp kết hợp mua điện từ hệ thống điện quốc gia đồng thời với các nguồn điện khác (nhà máy phát điện tại chỗ; mua điện từ các nguồn điện tại chỗ như điện mặt trời, điện sinh khối);

Tổ chức lập kế hoạch kiểm tra, đôn đốc các cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm trên địa bàn áp dụng mô hình quản lý năng lượng; kiểm tra, giám sát việc áp dụng các tiêu chuẩn, định mức, quy chuẩn kỹ thuật về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành trong công nghiệp, kinh doanh, thương mại và dân dụng; tổng hợp danh sách cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm trên địa bàn, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để gửi văn bản về Bộ Công Thương;

Hướng dẫn, thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy định về hoạt động điện lực, sử dụng điện, an toàn điện, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, các hoạt động trong lĩnh vực năng lượng thuộc địa bàn quản lý;

Thực hiện các nhiệm vụ theo thẩm quyền của cơ quan chuyên môn về xây dựng trong quản lý dự án đầu tư xây dựng, quản lý chất lượng xây dựng công trình ngành Điện theo quy định của pháp luật.

d) Về công nghiệp khai thác mỏ và chế biến khoáng sản (trừ khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường):

Chủ trì, phối hợp với các ngành liên quan tổ chức thực hiện quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản sau khi được phê duyệt theo thẩm quyền;

Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy chuẩn kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật, công nghệ, an toàn vệ sinh lao động trong khai thác mỏ và chế biến khoáng sản trên địa bàn tỉnh;

Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan để thẩm định Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi đầu tư xây dựng, Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng và các bước thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở của các dự án khai thác, chế biến khoáng sản trên địa bàn tỉnh (trừ khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường) theo quy định của pháp luật về xây dựng;

Thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện pháp luật về kỹ thuật an toàn trong khai thác khoáng sản; xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật đối với các hành vi vi phạm pháp luật về kỹ thuật an toàn trong khai thác khoáng sản của cá nhân, tổ chức khai thác khoáng sản;

Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trong công tác: Tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật đối với các tổ chức, cá nhân hoạt động sản xuất, kinh doanh khoáng sản trên địa bàn; tổ chức thanh tra, kiểm tra tình hình thực hiện sản xuất, kinh doanh khoáng sản; các điểm khai thác, vận chuyển, chế biến, các bãi tập kết, mua bán khoáng sản nhằm phát hiện và xử lý kịp thời tình trạng sản xuất, kinh doanh khoáng sản trái phép.

đ) Về hóa chất, vật liệu nổ công nghiệp:

Tổ chức thực hiện chiến lược, kế hoạch, chính sách phát triển ngành hóa chất, vật liệu nổ công nghiệp trên địa bàn tỉnh;

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan của tỉnh tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn các quy định của pháp luật và thanh tra, kiểm tra và xử lý các vi phạm pháp luật về sản xuất, quản lý, sử dụng, bảo quản, kinh doanh và vận chuyển hóa chất, vật liệu nổ công nghiệp theo quy định của pháp luật;

Thẩm định và cấp, cấp lại, cấp điều chỉnh và thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp cho tổ chức, cá nhân;

Cấp, cấp lại hoặc thu hồi Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp theo quy định;

Huấn luyện, kiểm tra huấn luyện, kiểm tra, cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp theo quy định;

Thực hiện các nhiệm vụ khác liên quan đến hoạt động hóa chất, vật liệu nổ công nghiệp được phân công, phân cấp tại Luật Hóa chất, Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ và các văn bản pháp luật có liên quan.

e) Về công tác quản lý an toàn đối với ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương:

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn các quy định của pháp luật và thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về an toàn đối với các ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của ngành Công Thương;

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn các quy định của pháp luật và kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về an toàn, an toàn trong quản lý, sử dụng, bảo quản, kinh doanh và vận chuyển hàng hóa nguy hiểm, xăng dầu, khí và các loại máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về kỹ thuật an toàn; huấn luyện an toàn hóa chất; huấn luyện về kỹ thuật an toàn đối với hoạt động kinh doanh khí; công tác tập huấn đối với người điều khiển phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, người áp tải, người xếp, dỡ, thủ kho trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý;

Xây dựng kế hoạch huấn luyện, kiểm tra, xếp bậc, cấp thẻ an toàn điện đối với người vận hành, sửa chữa điện ở nông thôn thuộc tổ chức hoạt động theo Luật Điện lực và các luật khác có liên quan, phạm vi hoạt động tại khu vực nông thôn;

Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện quy định của pháp luật trong lĩnh vực kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, kiểm định an toàn kỹ thuật các thiết bị, dụng cụ điện theo quy định;

Chủ trì thẩm định, chấp thuận tài liệu an toàn theo quy định của pháp luật;

Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán khí; Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp khí vào chai, vào xe bồn, Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp khí vào phương tiện vận tải;

Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát các cơ sở, công trình ngành Công Thương trên địa bàn quản lý thực hiện công tác phòng chống thiên tai và ứng cứu khẩn cấp theo quy định.

g) Về bảo vệ môi trường và phát triển công nghiệp môi trường:

Xây dựng và trình ban hành các chủ trương, chính sách, văn bản quy phạm pháp luật về bảo vệ môi trường, phát triển công nghiệp môi trường và ưu đãi, hỗ trợ phát triển ngành công nghiệp môi trường phù hợp với quy định của pháp luật và điều kiện của địa phương;

Tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn các quy định của pháp luật và thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, phát triển công nghiệp môi trường thuộc phạm vi quản lý của ngành Công Thương trên địa bàn tỉnh theo quy định;

Chủ trì thực hiện Đề án phát triển công nghiệp môi trường, các nhiệm vụ phát triển công nghiệp môi trường và kinh tế tuần hoàn, các chương trình, dự án về ứng phó với biến đổi khí hậu ngành công thương trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý;

Thực hiện thu thập, tổng hợp thông tin về các chỉ tiêu thống kê môi trường thuộc phạm vi ngành Công Thương;

Định kỳ hằng năm tổng kết, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Công Thương, các Bộ, ngành liên quan tình hình thực hiện phát triển công nghiệp môi trường của địa phương theo quy định.

h) Về an toàn thực phẩm, công nghiệp tiêu dùng, công nghiệp thực phẩm và công nghiệp chế biến khác:

Triển khai thực hiện chính sách, chiến lược, kế hoạch phát triển ngành sau khi được phê duyệt, gồm: Công nghiệp tiêu dùng (dệt - may, da - giày, giấy, sành sứ, thủy tinh, nhựa); công nghiệp thực phẩm (rượu, bia, nước giải khát, sữa chế biến, dầu thực vật, sản phẩm chế biến bột và tinh bột và các thực phẩm khác theo quy định của Chính phủ);

Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật đối với sản phẩm công nghiệp, an toàn vệ sinh, môi trường công nghiệp; triển khai thực hiện công tác quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm từ khâu sản xuất, chế biến, bảo quản, vận chuyển, kinh doanh đối với các loại rượu, bia, nước giải khát, sản phẩm sữa chế biến, dầu thực vật, sản phẩm chế biến từ bột, tinh bột, bánh, mứt, kẹo, bao bì chứa thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của ngành Công Thương và các sản phẩm khác, an toàn thực phẩm đối với các chợ, siêu thị, trung tâm thương mại và các cơ sở thuộc hệ thống dự trữ, phân phối hàng hóa thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Sở;

Hướng dẫn, tuyên truyền pháp luật, chủ trì, phối hợp kiểm tra việc thực hiện các quy định về phòng, chống thực phẩm giả, gian lận thương mại trên thị trường đối với tất cả các loại thực phẩm, dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng thực phẩm thuộc lĩnh vực quản lý của ngành Công Thương trên địa bàn.

i) Về khuyến công:

Chủ trì, tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về hoạt động khuyến công tại địa phương;

Xây dựng, trình ban hành các chính sách, văn bản quy phạm pháp luật về công tác khuyến công phù hợp với quy định của pháp luật và điều kiện tại địa phương; tham mưu cấp có thẩm quyền bảo đảm nguồn vốn từ ngân sách địa phương để tổ chức thực hiện hoạt động khuyến công trên địa bàn;

Xây dựng, trình phê duyệt và tổ chức thực hiện chương trình khuyến công địa phương. Hướng dẫn các tổ chức, cá nhân triển khai kế hoạch, đề án, nhiệm vụ khuyến công hằng năm trên địa bàn; chịu trách nhiệm tổ chức nghiệm thu và kiểm tra, giám sát việc sử dụng kinh phí khuyến công đảm bảo đúng đối tượng, mục đích và các quy định hiện hành;

Tham mưu cấp có thẩm quyền cân đối nguồn vốn từ ngân sách địa phương đầu tư cơ sở vật chất và nâng cao năng lực hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Công Thương thực hiện nhiệm vụ về khuyến công; đào tạo, bồi dưỡng kiến thức cho cán bộ, cộng tác viên làm công tác khuyến công địa phương;

Theo dõi, đánh giá, tổng hợp báo cáo và cung cấp thông tin, tài liệu liên quan về công tác khuyến công tại địa phương theo quy định.

k) Về cụm công nghiệp:

Thực hiện chức năng cơ quan đầu mối quản lý nhà nước đối với cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật;

Xây dựng, trình và tổ chức thực hiện phương án phát triển cụm công nghiệp, chương trình hỗ trợ đầu tư hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp, dự toán kinh phí hoạt động phát triển cụm công nghiệp sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế quản lý cụm công nghiệp, giải quyết các thủ tục triển khai dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật và dự án sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông;

Chủ trì thẩm định hồ sơ đề nghị thành lập, mở rộng cụm công nghiệp;

Chủ trì hoặc tham gia ý kiến các hồ sơ, thủ tục liên quan đến triển khai dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp và dự án sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp theo quy định của pháp luật;

Chủ trì thanh tra, kiểm tra, đánh giá thực hiện phương án phát triển, chính sách, pháp luật, hiệu quả hoạt động của cụm công nghiệp; xử lý hoặc đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xử lý vi phạm, vấn đề phát sinh về cụm công nghiệp; xây dựng, vận hành Cơ sở dữ liệu cụm công nghiệp trên địa bàn.

l) Về tiểu thủ công nghiệp:

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan xây dựng, trình và tổ chức hướng dẫn, thực hiện các chương trình, kế hoạch, đề án, dự án phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa, kinh tế tập thể, hợp tác xã ngành Công Thương, làng nghề tiểu thủ công nghiệp sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

m) Về sản xuất và tiêu dùng bền vững:

Tổ chức thực hiện chương trình, đề án, kế hoạch, cơ chế, chính sách nhằm thúc đẩy và phát triển lĩnh vực sản xuất và tiêu dùng bền vững trên địa bàn tỉnh.

n) Tổ chức thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng, thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở của dự án đầu tư xây dựng công trình công nghiệp theo quy định của pháp luật, sự phân công hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh.

o) Về quản lý chất lượng sản phẩm hàng hóa:

Chủ trì, tiếp nhận hồ sơ và giải quyết thủ tục công bố hợp quy theo quy định của pháp luật về quản lý chất lượng sản phẩm hàng hóa;

Kiểm tra việc tuân thủ các quy định về quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa của các doanh nghiệp trên địa bàn quản lý.

p) Quản lý nhà nước và kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình chuyên ngành công nghiệp trên địa bàn tỉnh thực hiện theo quy định pháp luật về xây dựng.

5. Về thương mại

a) Thị trường trong nước:

Tham mưu xây dựng và tổ chức triển khai thực hiện quy hoạch, kế hoạch, cơ chế, chính sách quản lý và phát triển theo chức năng, thẩm quyền: Các loại hình kết cấu hạ tầng thương mại như chợ, trung tâm thương mại, trung tâm mua sắm, siêu thị, cửa hàng bán lẻ, sở giao dịch hàng hóa, trung tâm hội chợ, triển lãm, trung tâm đấu giá hàng hóa, trung tâm logistics và các loại hình kết cấu hạ tầng thương mại khác; các loại hình tổ chức, hình thức và phương thức kinh doanh thương mại, như hợp tác xã thương mại, bán buôn, bán lẻ, đại lý thương mại, nhượng quyền thương mại, dịch vụ thương mại trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật;

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan hướng dẫn và tổ chức thực hiện cơ chế, chính sách khuyến khích mở rộng mạng lưới kinh doanh, phát triển các tổ chức liên kết lưu thông hàng hóa, hình thành các kênh lưu thông hàng hóa ổn định từ sản xuất đến tiêu dùng trên địa bàn tỉnh;

Tổ chức thực hiện, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện quy định về hàng hóa, dịch vụ thuộc ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện: Thuốc lá, rượu, xăng dầu, khí và các hàng hóa dịch vụ khác trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật và phân cấp quản lý của Bộ Công Thương, Ủy ban nhân dân tỉnh;

Triển khai thực hiện cơ chế, chính sách ưu đãi, khuyến khích, hỗ trợ phát triển sản xuất, kinh doanh và đời sống nhân dân vùng dân tộc và vùng khó khăn trên địa bàn tỉnh (như cung cấp các mặt hàng thiết yếu, hỗ trợ lưu thông hàng hóa và dịch vụ thương mại...);

Tổ chức hoạt động điều tiết lưu thông hàng hóa, bảo đảm cân đối cung cầu các mặt hàng thiết yếu, bảo đảm chất lượng và an toàn thực phẩm, bình ổn và thúc đẩy thị trường nội tỉnh phát triển;

Tổng hợp và xử lý các thông tin thị trường trên địa bàn tỉnh về tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng, tổng cung, tổng cầu, mức dự trữ lưu thông và biến động giá cả của các mặt hàng thiết yếu, các mặt hàng chính sách đối với nhân dân vùng dân tộc. Đề xuất với cấp có thẩm quyền giải pháp điều tiết lưu thông hàng hóa trong từng thời kỳ.

b) Về xuất khẩu, nhập khẩu:

Tham mưu xây dựng và tổ chức triển khai thực hiện các cơ chế, chính sách, chiến lược, kế hoạch, chương trình, đề án liên quan trong lĩnh vực xuất nhập khẩu hàng hóa; quản lý, theo dõi hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa; phát triển dịch vụ xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa trên địa bàn tỉnh;

Quản lý hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa của các doanh nghiệp trong nước, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và thương nhân không có hiện diện tại Việt Nam.

c) Về thương mại điện tử và kinh tế số:

Tham mưu xây dựng và tổ chức triển khai thực hiện các cơ chế, chính sách, đề án, chương trình, kế hoạch thương mại điện tử nhằm phát triển hạ tầng ứng dụng thương mại điện tử, phát triển nguồn nhân lực phục vụ quản lý thương mại điện tử và kinh tế số, hỗ trợ các tổ chức, cá nhân ứng dụng thương mại điện tử trên địa bàn tỉnh;

Thực hiện các nội dung quản lý nhà nước khác về thương mại điện tử theo quy định của pháp luật và phân cấp của Bộ Công Thương.

d) Về xúc tiến thương mại:

Tổ chức thực hiện các thủ tục hành chính về xúc tiến thương mại thuộc thẩm quyền;

Thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện pháp luật về xúc tiến thương mại của thương nhân, tổ chức hoạt động có liên quan đến thương mại và xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật đối với các hành vi vi phạm pháp luật của thương nhân, tổ chức hoạt động có liên quan đến thương mại;

Kiểm tra, tổng hợp quyết toán với cơ quan quản lý tài chính đồng cấp về số tiền theo quyết định thu và số tiền thực thu vào ngân sách nhà nước 50% giá trị đã công bố của giải thưởng không có người trúng thưởng của chương trình khuyến mại;

Tham mưu, đề xuất với chính quyền địa phương về các chương trình, kế hoạch, đề án xúc tiến thương mại, du lịch trên địa bàn và thực hiện các chương trình, kế hoạch, đề án theo phân công;

Phối hợp với Bộ Công Thương trong việc quản lý hoạt động của các Văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài tại Việt Nam.

đ) Về quản lý cạnh tranh:

Tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn thực hiện các quy định của pháp luật về cạnh tranh trên địa bàn tỉnh;

Phát hiện và kiến nghị các cơ quan có liên quan giải quyết theo thẩm quyền về những hành vi vi phạm pháp luật cạnh tranh và văn bản ban hành có nội dung không phù hợp với pháp luật cạnh tranh.

e) Về quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp:

Chủ trì, tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp trên địa bàn tỉnh theo thẩm quyền;

Xây dựng và trình cấp có thẩm quyền ban hành quy chế phối hợp giữa các cơ quan liên quan tại địa phương trong công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp trên địa bàn;

Phát hiện và xử lý theo thẩm quyền hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền xử lý vi phạm pháp luật về quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp;

Cấp, thu hồi xác nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương, xác nhận tiếp nhận thông báo chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương;

Thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp;

Tổ chức đào tạo, tập huấn chuyên môn cho công chức trực tiếp thực hiện công tác quản lý nhà nước về bán hàng đa cấp;

Thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về quản lý hoạt động bán hàng đa cấp cho các doanh nghiệp, người tham gia bán hàng đa cấp;

Tiếp nhận, giải quyết hồ sơ thông báo hội nghị, hội thảo, đào tạo về bán hàng đa cấp;

Báo cáo theo định kỳ hằng năm hoặc đột xuất với Bộ Công Thương về công tác quản lý hoạt động bán hàng đa cấp trên địa bàn.

g) Về phòng vệ thương mại:

Hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật phòng vệ thương mại bao gồm: Chống bán phá giá, chống trợ cấp, tự vệ, chống lẫn tránh biện pháp phòng vệ thương mại trên địa bàn tỉnh;

Phát hiện và kiến nghị các cơ quan có liên quan giải quyết theo thẩm quyền về những văn bản ban hành có nội dung không phù hợp với pháp luật về phòng vệ thương mại;

Đầu mối chủ trì hỗ trợ hiệp hội ngành hàng, các doanh nghiệp xuất khẩu trên địa bàn ứng phó với các vụ việc điều tra, rà soát chống bán phá giá, chống trợ cấp, tự vệ, chống lẫn tránh biện pháp phòng vệ thương mại của nước ngoài;

Tổng hợp số liệu, tình hình hoạt động, thông tin xuất nhập khẩu hàng hóa trên địa bàn tỉnh liên quan đến vụ việc về phòng vệ thương mại, phối hợp với cơ quan điều tra về phòng vệ thương mại trong công tác cảnh báo sớm các vụ kiện phòng vệ thương mại;

Phối hợp với cơ quan điều tra về phòng vệ thương mại rà soát, cung cấp thông tin, xử lý các vấn đề liên quan đến việc điều tra, thẩm tra, thanh tra, kiểm tra chuyên ngành về phòng vệ thương mại đối với các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh;

Đầu mối thu thập và cung cấp thông tin cho cơ quan điều tra về phòng vệ thương mại về chính sách và thực tiễn hoạt động của các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh trong các vụ việc điều tra chống trợ cấp của nước ngoài.

h) Về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng:

Trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng tại địa phương;

Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; tư vấn, hỗ trợ và nâng cao nhận thức về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng tại địa phương;

Thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng theo thẩm quyền;

Thực hiện việc kiểm soát hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung tại địa phương theo quy định của pháp luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng;

Hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ đề cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ người tiêu dùng cấp huyện thực hiện các nội dung liên quan đến bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng;

Công bố công khai danh sách tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ vi phạm quyền lợi người tiêu dùng theo thẩm quyền;

Quản lý hoạt động về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng của tổ chức xã hội tại địa phương; tạo điều kiện để tổ chức xã hội tham gia bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng hoạt động; thẩm định các đề án, kế hoạch hoạt động của tổ chức xã hội tham gia bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định giao thực hiện nhiệm vụ gắn với nhiệm vụ của Nhà nước; giám sát việc thực hiện các nhiệm vụ khi giao cho tổ chức xã hội bảo vệ người tiêu dùng thực hiện;

Quản lý, kiểm tra, giám sát hoạt động hòa giải của tổ chức hòa giải tranh chấp giữa người tiêu dùng và tổ chức, cá nhân kinh doanh tại địa phương theo quy định của pháp luật;

Báo cáo kết quả thực hiện quản lý nhà nước về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trên địa bàn tỉnh theo định kỳ hoặc theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền cấp trên.

i) Về quản lý thị trường:

Quản lý nhà nước và tổ chức thực thi pháp luật về phòng, chống, xử lý các hành vi kinh doanh hàng hóa nhập lậu; sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm, hàng hoá không rõ nguồn gốc xuất xứ; hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ; hành vi vi phạm pháp luật về chất lượng, đo lường, giá, an toàn thực phẩm; hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và các hành vi gian lận thương mại theo quy định pháp luật trên địa bàn tỉnh.

k) Về hội nhập kinh tế quốc tế:

Triển khai thực hiện kế hoạch, chương trình, biện pháp cụ thể về hội nhập kinh tế quốc tế trên địa bàn tỉnh sau khi được phê duyệt;

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn việc thực hiện kế hoạch, chương trình, các quy định về hội nhập kinh tế quốc tế của địa phương;

Tích cực phối hợp với Bộ Công Thương và các đơn vị liên quan thực hiện các nhiệm vụ được giao trong Kế hoạch thực thi các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới;

Thực hiện các nội dung quản lý nhà nước khác về hội nhập kinh tế quốc tế theo quy định của pháp luật và phân cấp của Bộ Công Thương.

l) Về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của thương nhân nước ngoài trên địa bàn tỉnh:

Quản lý hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của thương nhân nước ngoài;

Quản lý hoạt động của văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài.

m) Về dịch vụ logistics:

Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành và đơn vị liên quan tham mưu xây dựng và tổ chức triển khai thực hiện các cơ chế, chính sách, pháp luật, phương án phát triển dịch vụ logistics và chương trình, đề án phát triển dịch vụ logistics trên địa bàn tỉnh;

Điều phối, hỗ trợ các sở, ban, ngành, các hội, hiệp hội ngành hàng phát triển dịch vụ logistics và nâng cao năng lực doanh nghiệp logistics trên địa bàn tỉnh;

Tuyên truyền, phổ biến, phát triển thị trường, kết nối doanh nghiệp dịch vụ logistics với doanh nghiệp sản xuất, xuất nhập khẩu trên địa bàn tỉnh.

6. Quản lý theo quy định của pháp luật đối với các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân, các hội và các tổ chức phi chính phủ thuộc phạm vi ngành, lĩnh vực.

7. Hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ thuộc ngành, lĩnh vực quản lý đối với cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện và chức danh chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã.

8. Kiểm tra, thanh tra theo ngành, lĩnh vực được phân công phụ trách đối với tổ chức, cá nhân trong việc thực hiện các quy định của pháp luật; tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực theo quy định của pháp luật.

9. Tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm về đăng ký, cấp giấy phép, văn bằng, chứng chỉ thuộc phạm vi trách nhiệm quản lý của Sở theo quy định của pháp luật.

10. Quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của văn phòng, thanh tra (nếu có) và phòng chuyên môn nghiệp vụ, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở.

11. Quản lý tổ chức bộ máy, biên chế công chức, cơ cấu ngạch công chức, vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập; thực hiện chế độ tiền lương và chính sách, chế độ đãi ngộ, đào tạo, bồi dưỡng, khen thưởng, kỷ luật đối với công chức, viên chức và người lao động thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật và theo phân công, phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh; tham mưu cho Hội đồng cấp tỉnh xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân Nhân dân”, “Nghệ nhân Ưu tú” trong lĩnh vực nghề thủ công mỹ nghệ và Ủy ban nhân dân tỉnh xét tặng danh hiệu Thợ giỏi và Nghệ nhân cấp tỉnh.

12. Thực hiện hợp tác quốc tế về ngành, lĩnh vực quản lý theo quy định của pháp luật.

13. Thực hiện công tác thông tin, báo cáo định kỳ và đột xuất về tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao với Ủy ban nhân dân tỉnh, các Bộ, cơ quan ngang Bộ.

14. Quản lý và chịu trách nhiệm về tài chính, tài sản được giao theo quy định của pháp luật.

15. Hướng dẫn thực hiện cơ chế tự chủ đối với đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực quản lý theo quy định của pháp luật; quản lý hoạt động của các đơn vị sự nghiệp trong và ngoài công lập thuộc phạm vi ngành, lĩnh vực.

16. Tổ chức nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật và công nghệ; xây dựng hệ thống thông tin, lưu trữ phục vụ công tác quản lý nhà nước và chuyên môn nghiệp vụ.

17. Thực hiện nhiệm vụ theo phân cấp, ủy quyền và các nhiệm vụ khác do Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao theo quy định của pháp luật.

Chương II

CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ BIÊN CHẾ

Điều 3. Cơ cấu tổ chức

1. Lãnh đạo Sở:

a) Lãnh đạo Sở có Giám đốc và các Phó Giám đốc. Số lượng Phó Giám đốc Sở thực hiện theo quy định của pháp luật và quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh;

b) Giám đốc Sở do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh bổ nhiệm, chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và trước pháp luật về thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở theo Quy chế làm việc và phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh;

c) Phó Giám đốc Sở do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh bổ nhiệm theo đề nghị của Giám đốc Sở, giúp Giám đốc Sở thực hiện một hoặc một số nhiệm vụ cụ thể do Giám đốc Sở phân công và chịu trách nhiệm trước Giám đốc Sở và trước pháp luật về thực hiện nhiệm vụ được phân công. Khi Giám đốc Sở vắng mặt, một Phó Giám đốc Sở

được Giám đốc Sở ủy quyền thay Giám đốc Sở điều hành các hoạt động của Sở. Phó Giám đốc Sở không kiêm nhiệm người đứng đầu tổ chức, đơn vị thuộc và trực thuộc Sở, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Các tổ chức tham mưu tổng hợp, chuyên môn, nghiệp vụ:

- a) Văn phòng;
- b) Thanh tra;
- c) Phòng Quản lý công nghiệp;
- d) Phòng Quản lý thương mại;
- đ) Phòng Quản lý năng lượng và kỹ thuật an toàn.

3. Chi cục và tương đương thuộc Sở: Chi cục Quản lý thị trường.

4. Đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở: Trung tâm Xúc tiến thương mại, Du lịch và Phát triển công nghiệp.

5. Việc thành lập, tổ chức lại, giải thể các tổ chức, đơn vị tại khoản 2, 3, 4 Điều này thực hiện theo quy định của pháp luật. Mỗi tổ chức, đơn vị có cấp trưởng và số lượng cấp phó thực hiện theo quy định hiện hành. Các chức danh này do Giám đốc Sở bổ nhiệm, miễn nhiệm theo quy định của pháp luật và phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh. Riêng chức danh Chánh Thanh tra Sở trước khi bổ nhiệm, miễn nhiệm phải thỏa thuận với Chánh Thanh tra tỉnh; chức danh Chi cục trưởng hoặc tương đương thuộc Sở do Giám đốc Sở đề xuất, tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

Điều 4. Biên chế

1. Biên chế công chức, số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập của Sở được giao trên cơ sở vị trí việc làm, gắn với chức năng, nhiệm vụ, phạm vi hoạt động và được bố trí trong tổng số biên chế công chức, số lượng người làm việc trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập được cấp có thẩm quyền giao hằng năm.

2. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức và danh mục vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp được cấp có thẩm quyền phê duyệt, hằng năm Sở xây dựng kế hoạch biên chế công chức, số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc để trình cấp có thẩm quyền quyết định theo quy định của pháp luật.

Chương III

CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC VÀ MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC

Điều 5. Chế độ làm việc

1. Sở hoạt động theo chương trình, kế hoạch công tác hằng năm được Ủy ban nhân dân tỉnh giao và theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại Quy định này.

2. Sở làm việc theo chế độ thủ trưởng và theo Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân tỉnh, bảo đảm nguyên tắc tập trung dân chủ. Căn cứ các quy định của pháp luật và phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở ban hành Quy chế làm việc của Sở và chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện.

3. Giám đốc Sở chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực ở địa phương và các công việc được Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phân công hoặc ủy quyền; không chuyển công việc thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của mình lên Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh. Đối với những vấn đề vượt quá thẩm quyền hoặc đúng thẩm quyền nhưng không đủ khả năng và điều kiện để giải quyết thì Giám đốc Sở phải chủ động làm việc với Giám đốc Sở có liên quan để hoàn chỉnh hồ sơ trình Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và chịu trách nhiệm khi để xảy ra tham nhũng, gây thiệt hại trong tổ chức, đơn vị thuộc quyền quản lý của mình.

4. Giám đốc Sở có trách nhiệm báo cáo với Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; Bộ, cơ quan ngang Bộ về tổ chức, hoạt động của cơ quan mình; báo cáo công tác trước Hội đồng nhân dân tỉnh khi có yêu cầu; cung cấp tài liệu cần thiết theo yêu cầu của Hội đồng nhân dân tỉnh; trả lời kiến nghị của cử tri, chất vấn của Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh về những vấn đề trong phạm vi ngành, lĩnh vực quản lý; phối hợp với các Giám đốc Sở khác, người đứng đầu tổ chức chính trị - xã hội, các cơ quan có liên quan trong việc thực hiện nhiệm vụ của Sở.

5. Phó Giám đốc Sở giúp Giám đốc Sở thực hiện một hoặc một số nhiệm vụ, chịu trách nhiệm trước Giám đốc Sở và trước pháp luật về kết quả thực hiện các nhiệm vụ được phân công, đồng thời cùng Giám đốc Sở liên đới chịu trách nhiệm trước cấp trên và trước pháp luật về việc tham mưu, đề xuất trong lĩnh vực được phân công.

6. Giám đốc Sở có thể ủy quyền cho Phó Giám đốc Sở giải quyết các công việc cụ thể khác; khi được ủy quyền, Phó Giám đốc Sở không được ủy quyền lại cho công chức dưới quyền.

7. Các tổ chức tham mưu, tổng hợp, chuyên môn nghiệp vụ, chi cục, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở làm việc theo chế độ thủ trưởng, thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định và chịu trách nhiệm trước Giám đốc Sở và trước pháp luật về kết quả hoạt động của đơn vị và công việc được phân công.

Điều 6. Mối quan hệ công tác

1. Đối với Bộ Công Thương

Sở chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn và kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ thuộc lĩnh vực công tác do Bộ Công Thương phụ trách. Giám đốc Sở có trách nhiệm báo cáo tình hình công tác chuyên môn cho Bộ Công Thương theo chế độ định kỳ và theo yêu cầu đột xuất.

2. Đối với Ủy ban nhân dân tỉnh

Sở chịu sự lãnh đạo trực tiếp và toàn diện của Ủy ban nhân dân tỉnh, báo cáo tình hình công tác theo chế độ định kỳ và theo yêu cầu đột xuất với Ủy ban nhân dân tỉnh về lĩnh vực công tác thuộc chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Sở; trước khi tổ chức thực hiện các chương trình công tác của Bộ Công Thương và các ngành Trung ương có liên quan đến chương trình, kế hoạch chung của tỉnh, Sở phải báo cáo xin ý kiến chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Đối với các sở, ban, ngành tỉnh

Sở có mối quan hệ hợp tác, bình đẳng, phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh; được chủ trì mời các sở, ban, ngành hợp để giải quyết những công việc thuộc chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao hoặc khi được ủy quyền. Khi có những vấn đề chưa nhất trí thì các cơ quan phải chủ động trao đổi, bàn bạc tìm biện pháp tháo gỡ và tổ chức thực hiện. Trường hợp chưa có sự thống nhất ý kiến thì các cơ quan có trách nhiệm báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, chỉ đạo giải quyết.

4. Đối với Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

Sở có mối quan hệ phối hợp chặt chẽ với Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố trong lĩnh vực công tác thuộc chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao; có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện công tác chuyên môn của Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị các huyện, thành phố và các lĩnh vực công tác thuộc chức năng, nhiệm vụ của ngành theo quy định của pháp luật.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 7. Căn cứ Quy định này và các văn bản pháp luật có liên quan, Giám đốc Sở có trách nhiệm xây dựng, ban hành quy chế làm việc, phân công nhiệm vụ, tổ chức thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định; sắp xếp tổ chức bộ máy của Sở đảm bảo tinh gọn, hoạt động hiệu quả.

Điều 8. Việc sửa đổi, bổ sung, thay thế Quy định này do Giám đốc Sở Công Thương chủ trì, phối hợp các cơ quan có liên quan trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

Số: 15/2025/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bình Dương, ngày 25 tháng 3 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về dạy thêm, học thêm
trên địa bàn tỉnh Bình Dương**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 01 tháng 7 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 127/2018/NĐ-CP ngày 21 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ quy định trách nhiệm quản lý nhà nước về giáo dục;

Căn cứ Thông tư số 29/2024/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về dạy thêm, học thêm;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 750/TTr-SGDĐT ngày 14 tháng 03 năm 2025,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về dạy thêm, học thêm trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 54/2012/QĐ-UBND ngày 14 tháng 12 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương ban hành Quy định về dạy thêm, học thêm trên địa bàn tỉnh Bình Dương và Quyết định số 45/2023/QĐ-UBND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về dạy thêm, học thêm trên địa bàn tỉnh Bình Dương ban hành kèm theo Quyết định số 54/2012/QĐ-UBND ngày 14 tháng 12 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Giáo dục và Đào tạo, Tài chính; Chánh Thanh tra tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH
Đã ký: Bùi Minh Thạnh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH
Về dạy thêm, học thêm trên địa bàn tỉnh Bình Dương
(Kèm theo Quyết định số 15/2025/QĐ-UBND
ngày 25 tháng 3 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định về dạy thêm, học thêm đối với giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên, bao gồm: Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp, các cơ quan quản lý giáo dục và các cơ quan liên quan trong việc thực hiện quy định về dạy thêm, học thêm; việc quản lý và sử dụng kinh phí tổ chức dạy thêm, học thêm; công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm.

2. Những nội dung khác liên quan đến hoạt động học thêm, dạy thêm không quy định tại Quy định này được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 29/2024/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về dạy thêm, học thêm và các văn bản quy định khác có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với người dạy thêm, người học thêm; các tổ chức, cá nhân tổ chức dạy thêm, học thêm và các tổ chức, cá nhân có liên quan đến dạy thêm, học thêm trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

Chương II
TRÁCH NHIỆM CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CÁC CẤP, CÁC CƠ QUAN
QUẢN LÝ GIÁO DỤC VÀ CÁC CƠ QUAN LIÊN QUAN TRONG VIỆC THỰC
HIỆN QUY ĐỊNH VỀ DẠY THÊM, HỌC THÊM

Điều 3. Trách nhiệm của Sở Giáo dục và Đào tạo

1. Chịu trách nhiệm quản lý hoạt động dạy thêm, học thêm trên địa bàn tỉnh theo Quy định này và theo Điều 9 Thông tư số 29/2024/TT-BGDĐT.

2. Chịu trách nhiệm quản lý và sử dụng kinh phí dạy thêm, học thêm trong nhà trường theo phân cấp quản lý. Phối hợp Sở Tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí cho công tác dạy thêm, học thêm trong nhà trường tại các cơ sở giáo dục công lập trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo.

3. Thường xuyên tổ chức thanh tra, kiểm tra việc thực hiện quy định về dạy thêm, học thêm trong nhà trường, xử lý vi phạm theo thẩm quyền.

4. Thông báo công khai nơi tiếp công dân tại trụ sở cơ quan và số điện thoại, địa chỉ hộp thư điện tử (email) tiếp nhận phản ánh, kiến nghị về những vấn đề liên quan đến dạy thêm, học thêm trên địa bàn tỉnh để kịp thời xử lý.

5. Tổng hợp kết quả thực hiện quản lý dạy thêm, học thêm trên địa bàn tỉnh, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Giáo dục và Đào tạo khi có yêu cầu.

Điều 4. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, tổ chức liên quan

1. Sở Tài chính có trách nhiệm tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh việc bố trí kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước nhằm đảm bảo thực hiện hoạt động dạy thêm, học thêm trong nhà trường theo quy định; hướng dẫn thủ tục đăng ký doanh nghiệp, đổi chiếu và ghi nhận ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo (dạy thêm, học thêm ngoài nhà trường) vào cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

2. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức liên quan có trách nhiệm phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo và các cơ quan liên quan tổ chức thanh tra, kiểm tra hoạt động dạy thêm, học thêm ngoài nhà trường trên địa bàn tỉnh thuộc phạm vi quản lý; xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý vi phạm.

Điều 5. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Chịu trách nhiệm quản lý hoạt động dạy thêm, học thêm trên địa bàn theo Quy định này và theo Điều 10 Thông tư số 29/2024/TT-BGDĐT.

2. Chịu trách nhiệm quản lý và sử dụng kinh phí dạy thêm, học thêm trong nhà trường theo phân cấp quản lý. Phối hợp Sở Tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí cho công tác dạy thêm, học thêm trong nhà trường tại các cơ sở giáo dục công lập trực thuộc theo đề xuất của Phòng Giáo dục và Đào tạo và cơ quan phụ trách về tài chính cấp huyện trên địa bàn.

3. Chỉ đạo cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện trên địa bàn hướng dẫn các tổ chức, cá nhân tổ chức dạy thêm, học thêm ngoài nhà trường thực hiện các thủ tục đăng ký kinh doanh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 6 Thông tư số 29/2024/TT-BGDĐT và các quy định pháp luật có liên quan.

4. Tổ chức hoặc phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo và các cơ quan, đơn vị có liên quan chỉ đạo, hướng dẫn hoạt động dạy thêm, học thêm trên địa bàn đúng quy định; tổ chức thanh tra, kiểm tra hoạt động dạy thêm, học thêm trên địa bàn quản lý; xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý các vi phạm theo quy định.

5. Tổng hợp kết quả việc thực hiện dạy thêm, học thêm trên địa bàn quản lý báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Giáo dục và Đào tạo) khi có yêu cầu.

Điều 6. Trách nhiệm của Phòng Giáo dục và Đào tạo

1. Chịu trách nhiệm quản lý hoạt động dạy thêm, học thêm trên địa bàn theo Quy định này và theo Điều 11 Thông tư số 29/2024/TT-BGDĐT.

2. Phối hợp với cơ quan phụ trách về tài chính cấp huyện trên địa bàn tham mưu Ủy ban nhân dân cấp huyện bố trí kinh phí cho công tác dạy thêm, học thêm trong nhà trường tại các cơ sở giáo dục công lập trực thuộc.

3. Thường xuyên tổ chức kiểm tra việc thực hiện các quy định về dạy thêm, học thêm trong nhà trường tại các cơ sở giáo dục trực thuộc và các cơ sở dạy thêm ngoài nhà trường trên địa bàn (có đối tượng là học sinh cấp tiểu học, trung học cơ sở) nhằm phòng ngừa, xử lý vi phạm theo thẩm quyền.

4. Thông báo công khai nơi tiếp công dân tại trụ sở cơ quan và số điện thoại, địa chỉ hộp thư điện tử (email) tiếp nhận phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về những vấn đề liên quan đến dạy thêm, học thêm trên địa bàn để kịp thời xử lý.

5. Tổng hợp kết quả việc thực hiện dạy thêm, học thêm trên địa bàn quản lý báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện và Sở Giáo dục và Đào tạo sau khi kết thúc năm học hoặc theo yêu cầu đột xuất.

Điều 7. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Chịu trách nhiệm quản lý hoạt động dạy thêm, học thêm trên địa bàn theo Quy định này và theo Điều 12 Thông tư số 29/2024/TT-BGDĐT.

2. Tăng cường công tác kiểm tra hoạt động dạy thêm, học thêm ngoài nhà trường trên địa bàn theo quy định; xử lý những vi phạm theo thẩm quyền hoặc kiến nghị với cơ quan có thẩm quyền xử lý vi phạm.

3. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về Ủy ban nhân dân cấp huyện (thông qua Phòng Giáo dục và Đào tạo) đối với công tác dạy thêm, học thêm trên địa bàn.

Điều 8. Trách nhiệm của Hiệu trưởng và người đứng đầu các cơ sở giáo dục

1. Chịu trách nhiệm quản lý hoạt động dạy thêm, học thêm theo Quy định này và theo Điều 13 Thông tư số 29/2024/TT-BGDĐT.

2. Cơ sở giáo dục có tổ chức dạy thêm, học thêm trong nhà trường thực hiện hồ sơ theo hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo (hoặc Phòng Giáo dục và Đào tạo), đảm bảo các quy định có liên quan tại Thông tư số 29/2024/TT-BGDĐT; dự toán kinh phí gửi cơ quan quản lý cấp trên hoặc cơ quan có thẩm quyền về quản lý tài chính để tham mưu bố trí kinh phí; báo cáo cơ quan quản lý cấp trên danh sách giáo viên của nhà trường có tham gia dạy thêm ngoài nhà trường.

3. Phối hợp Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan liên quan theo dõi, kiểm tra hoạt động dạy thêm ngoài nhà trường của giáo viên đang dạy học tại nhà trường.

4. Báo cáo Sở Giáo dục và Đào tạo (hoặc Phòng Giáo dục và Đào tạo) về tình hình dạy thêm, học thêm sau khi kết thúc năm học hoặc theo yêu cầu đột xuất.

Điều 9. Trách nhiệm của cơ sở dạy thêm ngoài nhà trường

1. Chịu trách nhiệm quản lý hoạt động dạy thêm, học thêm tại cơ sở dạy thêm ngoài nhà trường; thực hiện các quy định về dạy thêm, học thêm ngoài nhà trường theo Quy định này, Điều 14 Thông tư số 29/2024/TT-BGDĐT và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Chịu sự thanh tra, kiểm tra của chính quyền địa phương, cơ quan quản lý giáo dục các cấp trong việc thực hiện quy định về dạy thêm, học thêm. Quản lý, lưu trữ và cung cấp đầy đủ hồ sơ tổ chức dạy thêm, học thêm ngoài nhà trường theo quy định khi được thanh tra, kiểm tra.

3. Nếu tạm ngừng hoặc chấm dứt dạy thêm thì cơ sở dạy thêm ngoài nhà trường thực hiện theo các quy định của pháp luật; thông báo công khai cho các tổ chức, cá nhân có liên quan.

4. Báo cáo cơ quan quản lý giáo dục trên địa bàn về tình hình dạy thêm, học thêm sau khi kết thúc năm học hoặc theo yêu cầu đột xuất.

Chương III**QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG KINH PHÍ DẠY THÊM, HỌC THÊM**

Điều 10. Thu và quản lý tiền học thêm trong nhà trường và ngoài nhà trường

Thực hiện theo quy định tại Điều 7 Thông tư số 29/2024/TT-BGDĐT và các văn bản quy định khác có liên quan.

Chương IV**CÔNG TÁC THANH TRA, KIỂM TRA VÀ XỬ LÝ VI PHẠM**

Điều 11. Thanh tra, kiểm tra

1. Thanh tra tỉnh chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, tổ chức có liên quan xây dựng kế hoạch thanh tra hoạt động dạy thêm, học thêm trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật.

2. Sở Giáo dục và Đào tạo, Phòng Giáo dục và Đào tạo các huyện, thành phố phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước xây dựng kế hoạch kiểm tra hoạt động dạy thêm, học thêm theo phân cấp quản lý.

Điều 12. Xử lý vi phạm

Thực hiện theo Điều 16 Thông tư số 29/2024/TT-BGDĐT.

Chương V**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 13. Trách nhiệm thi hành

1. Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo có trách nhiệm triển khai, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, tổng hợp và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thực hiện Quy định này.

2. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã; các tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm triển khai và tổ chức thực hiện nghiêm túc Quy định này.

Điều 14. Xử lý các khó khăn, vấn đề phát sinh (nếu có) trong quá trình thực hiện

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, các tổ chức, cơ quan, đơn vị, địa phương kịp thời phản ánh về Sở Giáo dục và Đào tạo để tổng hợp, tham mưu, đề xuất trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết./.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 16/2025/QĐ-UBND

Bình Dương, ngày 26 tháng 3 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành quy định phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ đối với
đường Vành đai 3 Thành phố Hồ Chí Minh đoạn qua địa bàn tỉnh Bình Dương,
đường Mỹ Phước – Bàu Bàng đoạn từ ĐT.741 đến Quốc lộ 13
và đường Tạo lực Bắc Tân Uyên – Phú Giáo – Bàu Bàng**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 2 năm 2025;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015;

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm
pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

Căn cứ Luật Đường bộ năm 2024;

*Căn cứ Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2024 của Chính
phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77
Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 301/TTr-SXD ngày 14
tháng 3 năm 2025.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ đối với
đường Vành đai 3 Thành phố Hồ Chí Minh đoạn qua địa bàn tỉnh Bình Dương, đường
Mỹ Phước - Bàu Bàng đoạn từ ĐT.741 đến Quốc lộ 13 và đường Tạo lực Bắc Tân
Uyên - Phú Giáo - Bàu Bàng (kể cả đoạn từ ngã ba Tam Lập đến ranh tỉnh Bình
Phước).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quyết định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến việc
bảo vệ, quản lý, sử dụng phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ đường Vành đai 3
Thành phố Hồ Chí Minh đoạn qua địa bàn tỉnh Bình Dương, đường Mỹ Phước - Bàu
Bàng đoạn từ ĐT.741 đến Quốc lộ 13 và đường Tạo lực Bắc Tân Uyên - Phú Giáo -
Bàu Bàng (kể cả đoạn từ ngã ba Tam Lập đến giáp ranh tỉnh Bình Phước).

Điều 3. Cách xác định phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ

Phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ được quy đổi tính từ tim đường trở ra mỗi bên: Để thuận tiện cho việc quản lý phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ, quản lý quy hoạch, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cấp phép xây dựng, thống nhất quy đổi việc xác định phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ, thay vì tính từ chân ta luy nền đường đắp, mép ngoài cùng của rãnh đỉnh trở ra hoặc từ mép trên cùng đỉnh mái ta luy dương nền đường đào trở ra (ở nơi không xây dựng rãnh đỉnh) hoặc từ mép ngoài cùng của rãnh dọc trở ra (tại các đoạn đường không đào, không đắp), được quy đổi tính từ tim đường trở ra đến hết phần đất để xây dựng công trình đường bộ cộng phần đất bảo vệ, bảo trì đường bộ cộng hành lang an toàn đường bộ.

Điều 4. Phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ

1. Đường Vành đai 3 Thành phố Hồ Chí Minh đoạn qua địa bàn tỉnh Bình Dương:

- Đoạn từ điểm cuối nút giao Tân Vạn (Km28+383) đến điểm đầu nút giao Bình Chuẩn (Km43+680): Từ tim đường trở ra mỗi bên 32m.

- Đoạn từ điểm cuối nút giao Bình Chuẩn (Km45+000) đến đầu cầu Bình Gởi (Km51+280): Từ tim đường trở ra mỗi bên 37,25m.

- Riêng nút giao Tân Vạn (đoạn từ Km25+990 đến Km28+383) và nút giao Bình Chuẩn (đoạn từ Km43+680 đến Km45+000): Phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ được tính bằng phạm vi giải phóng mặt bằng.

2. Đường Mỹ Phước – Bàu Bàng đoạn từ ĐT.741 đến Quốc lộ 13

- Đoạn ngoài đô thị: Từ tim đường trở ra mỗi bên đến phạm vi giải phóng mặt bằng cộng thêm mười tám mét (+18m).

- Đoạn trong đô thị qua địa bàn thành phố Bến Cát: Từ tim đường trở ra mỗi bên 32m; Đối với các đoạn có phạm vi giải phóng mặt bằng tính từ tim đường ra mỗi bên lớn hơn 32m, phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ tính từ tim đường đến phạm vi giải phóng mặt bằng.

- Đoạn trong đô thị qua địa bàn thị trấn Lai Uyên, huyện Bàu Bàng: Từ tim đường trở ra mỗi bên 31m; Đối với các đoạn có phạm vi giải phóng mặt bằng tính từ tim đường ra mỗi bên lớn hơn 31m, phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ tính từ tim đường đến phạm vi giải phóng mặt bằng.

3. Đường Tạo lực Bắc Tân Uyên - Phú Giáo - Bàu Bàng

- Đoạn ngoài đô thị: Từ tim đường trở ra mỗi bên đến phạm vi giải phóng mặt bằng cộng thêm mười ba mét (+13m).

- Đoạn trong đô thị: Là chỉ giới đường đỏ theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt; Đối với đoạn có phạm vi giải phóng mặt bằng lớn hơn chỉ giới đường đỏ đã được ban hành hoặc chưa xác định chỉ giới đường đỏ, phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ tính từ tim đường trở ra mỗi bên đến phạm vi giải phóng mặt bằng.

Điều 5. Chiều rộng phần đất bảo vệ, bảo trì đường bộ đối với cầu đường bộ (kể cả cầu cạn); hầm đường bộ; bến phà đường bộ, cầu phao đường bộ; công trình kè, tường chắn bảo vệ; cống ngang đường bộ trên các tuyến: Đường Vành đai 3 Thành phố Hồ Chí Minh đoạn qua địa bàn tỉnh Bình Dương, đường Mỹ Phước - Bàu Bàng đoạn từ ĐT.741 đến Quốc lộ 13, đường Tạo lực Bắc Tân Uyên - Phú Giáo - Bàu Bàng

Thực hiện theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

Điều 6. Chiều rộng hành lang an toàn đường bộ đối với cầu đường bộ (kể cả cầu cạn); hầm đường bộ; bến phà đường bộ, cầu phao đường bộ; công trình kè, tường chắn bảo vệ; cống ngang đường bộ trên các tuyến: Đường Vành đai 3 Thành phố Hồ Chí Minh đoạn qua địa bàn tỉnh Bình Dương, đường Mỹ Phước – Bàu Bàng đoạn từ ĐT.741 đến Quốc lộ 13, đường Tạo lực Bắc Tân Uyên – Phú Giáo – Bàu Bàng

Thực hiện theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

Điều 7. Hiệu lực thi hành

Chánh văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Xây dựng; Thủ trưởng các Sở, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc, các cơ quan, đơn vị phản ánh về Sở Xây dựng để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh bổ sung, sửa đổi cho phù hợp.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 5 năm 2025./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH
Đã ký: Bùi Minh Thạnh

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 651/QĐ-UBND

Bình Dương, ngày 04 tháng 3 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phân bổ chi tiết Kế hoạch đầu tư công năm 2025
vốn ngân sách trung ương (vốn ODA)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29/11/2024;

Căn cứ Quyết định số 1508/QĐ-TTg ngày 04/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2025;

Theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 621/SKHĐT-TH ngày 28/02/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phân bổ chi tiết Kế hoạch đầu tư công năm 2025 vốn ngân sách trung ương (vốn ODA) đã được Thủ tướng Chính phủ giao tại Quyết định số 1508/QĐ-TTg ngày 04/12/2024 là 581.359 triệu đồng cho dự án Cải thiện môi trường nước tỉnh Bình Dương do Ban Quản lý dự án chuyên ngành nước thải tỉnh là chủ đầu tư.

Điều 2. Căn cứ Kế hoạch đầu tư công năm 2025 nguồn vốn ngân sách trung ương (ODA) được giao, Ban Quản lý dự án chuyên ngành nước thải tỉnh tổ chức thực hiện phân đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc: Sở Tài chính, Sở Xây dựng, Kho bạc nhà nước, Ban Quản lý dự án chuyên ngành nước thải tỉnh và thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
Đã ký: Võ Văn Minh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 652/QĐ-UBND

Bình Dương, ngày 04 tháng 3 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc điều chỉnh một số nội dung của Quyết định số 3716/QĐ-UBND
ngày 18/12/2024 về giao Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn
2021-2025 vốn ngân sách địa phương (điều chỉnh lần 6)**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/2/2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29/11/2024;

Căn cứ Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 26/02/2025 của HĐND tỉnh về điều chỉnh một số nội dung của Nghị quyết số 41/NQ-HĐND ngày 09/12/2024 của Hội đồng nhân tỉnh về “Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 vốn ngân sách địa phương (lần 6)”;

Theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 18/TTr-SKHĐT ngày 28/02/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 vốn ngân sách địa phương đã được UBND tỉnh giao tại Quyết định số 3716/QĐ-UBND ngày 18/12/2024, cụ thể:

1. Điều chỉnh giảm vốn cho 06 dự án với tổng số vốn giảm là 258.100 triệu đồng.

2. Điều chỉnh giảm nguồn dự phòng Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 là 261.348 triệu đồng. Dự phòng Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 còn lại sau khi điều chỉnh là 2.607.305 triệu đồng.

3. Điều chỉnh bổ sung vốn cho 27 dự án với tổng số vốn bổ sung là 519.448 triệu đồng, trong đó:

- Bổ sung mới 14 dự án với tổng số vốn là 298.081 triệu đồng.

- Điều chỉnh tăng vốn cho 13 dự án với tổng số vốn tăng là 221.367 triệu đồng.

4. Các nội dung khác tiếp tục thực hiện theo Quyết định số 3716/QĐ-UBND ngày 18/12/2024 của UBND tỉnh.

Điều 2. Căn cứ Kế hoạch điều chỉnh đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 vốn ngân sách địa phương, các Sở, ban, ngành, đoàn thể, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện, phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Kho bạc nhà nước tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
Đã ký: Võ Văn Minh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 653/QĐ-UBND

Bình Dương, ngày 04 tháng 3 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc điều chỉnh một số nội dung của Quyết định
số 3834/QĐ-UBND ngày 27/12/2024 về phân bổ chi tiết
Kế hoạch đầu tư công năm 2025 vốn ngân sách nhà nước**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29/11/2024;

Căn cứ Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 26/02/2025 của HĐND tỉnh về điều chỉnh một số nội dung của Nghị quyết số 44/NQ-HĐND ngày 09/12/2024 của HĐND tỉnh về “Kế hoạch đầu tư công năm 2025”;

Theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 18/TTr-SKHĐT ngày 28/02/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công năm 2025 vốn ngân sách nhà nước đã được UBND tỉnh phân bổ chi tiết tại Quyết định số 3834/QĐ-UBND ngày 27/12/2024, cụ thể:

1. Điều chỉnh giảm vốn cho 08 dự án với tổng số vốn giảm là 555.321 triệu đồng.

2. Điều chỉnh bổ sung vốn cho 38 dự án với tổng số vốn bổ sung là 555.321 triệu đồng, trong đó:

- Bổ sung mới 28 dự án với tổng số vốn là 426.643 triệu đồng.

- Điều chỉnh tăng vốn cho 10 dự án với tổng số vốn tăng là 128.678 triệu đồng.

3. Các nội dung khác tiếp tục thực hiện theo Quyết định số 3834/QĐ-UBND ngày 27/12/2024 của UBND tỉnh.

Điều 2. Căn cứ Kế hoạch điều chỉnh đầu tư công năm 2025 vốn ngân sách nhà nước, các Sở, ban, ngành, đoàn thể, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện, phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Kho bạc nhà nước tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
Đã ký: Võ Văn Minh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 682/QĐ-UBND

Bình Dương, ngày 07 tháng 3 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả mời quan tâm dự án Đầu tư xây dựng Tổ hợp Giáo dục – Đào tạo (Đại học, đào tạo nghề, trung học phổ thông, trung học cơ sở, tiểu học) – Giai đoạn 1, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29/11/2024;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 23/6/2023; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu ngày 29/11/2024;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18/01/2024;

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 115/2024/NĐ-CP ngày 16/9/2024 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất;

Căn cứ Thông tư số 15/2024/TT-BKHĐT ngày 30/9/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu hồ sơ đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư, dự án đầu tư kinh doanh; cung cấp, đăng tải thông tin về đầu tư theo phương thức đối tác công tư, đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 3583/QĐ-UBND ngày 12/12/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt thông tin dự án đầu tư xây dựng Tổ hợp Giáo dục – Đào tạo (Đại học, đào tạo nghề, trung học phổ thông, trung học cơ sở, tiểu học) đoạn 1, thành phố Tân Uyên;

Căn cứ Quyết định số 3923/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Dương về việc phê duyệt Hồ sơ mời quan tâm dự án Đầu tư xây dựng Tổ hợp Giáo dục – Đào tạo (Đại học, đào tạo nghề, trung học phổ thông, trung học cơ sở, tiểu học) – Giai đoạn 1, thành phố Tân Uyên;

Xét Văn bản số 30/STC-KGVX ngày 04/3/2025 của Sở Tài chính về kiến nghị của UBND thành phố Tân Uyên về báo cáo kết quả đánh giá năng lực, kinh nghiệm nhà đầu tư đăng ký thực hiện dự án Tổ hợp Giáo dục – Đào tạo;

Xét đề nghị của UBND thành phố Tân Uyên tại Tờ trình số 1125/TTr-UBND ngày 06/3/2025 về việc phê duyệt kết quả mời quan tâm dự án Đầu tư xây dựng Tổ hợp Giáo dục - Đào tạo (Đại học, đào tạo nghề, trung học phổ thông, trung học cơ sở, tiểu học) - Giai đoạn 1, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương;

Căn cứ Thông báo số 71/TB-UBND ngày 7/03/2025 của UBND tỉnh tại phiên họp Ủy ban nhân dân tỉnh lần thứ 85 - khóa X.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả mời quan tâm dự án Đầu tư xây dựng Tổ hợp Giáo dục – Đào tạo (Đại học, đào tạo nghề, trung học phổ thông, trung học cơ sở, tiểu học) - Giai đoạn 1, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương với nội dung sau:

Chấp thuận Công ty TNHH Giáo dục FPT là nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu về năng lực kinh nghiệm thực hiện dự án Đầu tư xây dựng Tổ hợp Giáo dục - Đào tạo (Đại học, đào tạo nghề, trung học phổ thông, trung học cơ sở, tiểu học) - Giai đoạn 1, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

Điều 2. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc triển khai thực hiện

- Giao UBND thành phố Tân Uyên có trách nhiệm đăng tải danh sách nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu năng lực, kinh nghiệm Hồ sơ mời quan tâm của dự án trên hệ thống mạng đấu thầu Quốc gia.

- Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan hướng dẫn Công ty TNHH Giáo dục FPT hoàn thiện các thủ tục chấp thuận nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư, tham mưu trình UBND tỉnh phê duyệt nhà đầu tư thực hiện dự án theo đúng quy định pháp luật hiện hành.

- Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Giáo dục và Đào tạo và các đơn vị liên quan theo chức năng, nhiệm vụ phối hợp với Sở Tài chính, UBND thành phố Tân Uyên thực hiện các nhiệm vụ liên quan theo đúng quy định pháp luật.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường, Giáo dục và Đào tạo; Chủ tịch UBND thành phố Tân Uyên; Thủ trưởng các cơ quan liên quan và Công ty TNHH Giáo dục FPT chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

CHỦ TỊCH

Đã ký: Võ Văn Minh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 777/QĐ-UBND

Bình Dương, ngày 17 tháng 3 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Phân công công tác của Chủ tịch, Phó Chủ tịch và Ủy viên
Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương Khóa X, nhiệm kỳ 2021 – 2026**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 1279/QĐ-TTg ngày 20 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê chuẩn kết quả bầu cử chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương nhiệm kỳ 2021 - 2026;

Căn cứ Quyết định số 1658/QĐ-TTg ngày 26 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về phê chuẩn kết quả bầu chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương nhiệm kỳ 2021 - 2026;

Căn cứ Quyết định số 541/QĐ-TTg ngày 07 tháng 3 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về phê chuẩn kết quả bầu chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương nhiệm kỳ 2021 - 2026;

Căn cứ Quyết định số 04/2022/QĐ-UBND ngày 20 tháng 01 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương;

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nguyên tắc phân công và quan hệ công tác giữa Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và Ủy viên Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương và Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương được ban hành kèm theo Quyết định số 04/2022/QĐ-UBND ngày 20 tháng 01 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh; lãnh đạo, điều hành công việc của UBND tỉnh, triệu tập và chủ tọa các phiên họp của Ủy ban nhân dân tỉnh¹; trực tiếp chỉ đạo, điều hành các công việc lớn, quan trọng, những vấn đề có tính chiến lược trên tất cả các lĩnh vực công tác trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) tỉnh².

¹ Khoản 1 Điều 17 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025

² Điều 16 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025

Chủ tịch UBND tỉnh phân công các Phó Chủ tịch UBND tỉnh theo dõi, chỉ đạo, xử lý các công việc thường xuyên thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND tỉnh trong từng lĩnh vực công tác của UBND tỉnh và theo dõi hoạt động của một số sở, ban, ngành, huyện, thành phố và các đơn vị trực thuộc UBND tỉnh.

2. Phó Chủ tịch UBND tỉnh thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch UBND tỉnh trong lĩnh vực, địa bàn công tác và phạm vi quyền hạn được Chủ tịch UBND tỉnh phân công, chịu trách nhiệm cá nhân trước Chủ tịch UBND tỉnh và trước pháp luật về các quyết định thuộc lĩnh vực, địa bàn, phạm vi quyền hạn được phân công; kịp thời báo cáo, xin ý kiến Chủ tịch UBND tỉnh những vấn đề quan trọng. Những công việc liên quan đến các Phó Chủ tịch khác thì chủ động cùng phối hợp giải quyết, trường hợp có ý kiến khác nhau thì báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh.

3. Trong phạm vi các lĩnh vực được phân công, Phó Chủ tịch UBND tỉnh thay mặt Chủ tịch UBND tỉnh thực hiện trách nhiệm và quyền hạn sau:

- Chỉ đạo các sở, ban, ngành xây dựng các quy hoạch, kế hoạch phát triển, chương trình, đề án, cơ chế, chính sách và các văn bản đề trình UBND tỉnh, Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh ban hành theo thẩm quyền.

- Kiểm tra, đôn đốc việc tổ chức thực hiện các chủ trương, chính sách, pháp luật và các nhiệm vụ của các sở, ban, ngành, đơn vị và địa phương.

- Chủ trì xử lý những vấn đề cần phối hợp liên ngành và xem xét, xử lý những kiến nghị của các sở, ban, ngành và đơn vị, địa phương thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND tỉnh trong phạm vi được phân công.

- Theo dõi, chỉ đạo xử lý những vấn đề về nội bộ và công tác cải cách hành chính của các sở, ban, ngành và đơn vị, địa phương được phân công.

4. Khi Chủ tịch UBND tỉnh vắng mặt, 01 (một) Phó Chủ tịch UBND tỉnh được Chủ tịch UBND tỉnh phân công thay mặt Chủ tịch UBND tỉnh lãnh đạo công tác của UBND tỉnh. Phó Chủ tịch UBND tỉnh được ủy nhiệm có trách nhiệm xem xét, giải quyết các công việc và ký các văn bản thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch UBND tỉnh đảm bảo trên cơ sở quy trình và quy định của pháp luật.

5. Trong trường hợp thấy cần thiết hoặc khi Phó Chủ tịch UBND tỉnh vắng mặt thì Chủ tịch UBND tỉnh trực tiếp hoặc phân công Phó Chủ tịch khác chỉ đạo xử lý công việc mà đã phân công cho Phó Chủ tịch UBND tỉnh đó.

6. Căn cứ tình hình thực tế, Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, điều chỉnh phân công công tác của Chủ tịch, Phó Chủ tịch và Ủy viên UBND tỉnh để bảo đảm thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn chung của UBND tỉnh.

7. Chủ tịch UBND tỉnh ủy quyền cho Phó Chủ tịch UBND tỉnh, cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND tỉnh hoặc Chủ

tịch UBND cấp dưới thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn trong phạm vi thẩm quyền của Chủ tịch UBND tỉnh theo quy định.

8. Ủy viên UBND tỉnh thực hiện các công việc cụ thể theo ngành, lĩnh vực được UBND, Chủ tịch UBND tỉnh phân công; tham gia giải quyết các công việc chung của tập thể UBND; cùng tập thể UBND tỉnh quyết định và liên đới chịu trách nhiệm các vấn đề thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh.

9. Ngoài các nhiệm vụ được phân công tại Quyết định này, Phó Chủ tịch và Ủy viên UBND tỉnh được Chủ tịch UBND tỉnh phân công thực hiện các nhiệm vụ khác trong trường hợp cần thiết.

Điều 2. Phân công chỉ đạo, điều hành các lĩnh vực công tác

1. Đồng chí Võ Văn Minh - Chủ tịch UBND tỉnh

a) Lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý, điều hành toàn diện mọi hoạt động thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của UBND tỉnh.

b) Chịu trách nhiệm giữ mối quan hệ phối hợp công tác giữa UBND tỉnh với các Bộ, ngành Trung ương, Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh, Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh, Tòa án nhân dân tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội ở địa phương³.

c) Theo dõi, chỉ đạo các lĩnh vực công tác:

- Quốc phòng, an ninh, phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; thanh tra, phòng, chống tham nhũng; tư pháp; cải cách tư pháp; tổ chức bộ máy và công tác cán bộ; thi đua, khen thưởng và kỷ luật; cải cách hành chính, kiểm soát thủ tục hành chính; địa giới hành chính nhà nước; văn thư lưu trữ; an toàn giao thông;

- Quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng của tỉnh, các huyện, thành phố (*trừ các quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực do các Phó Chủ tịch UBND tỉnh phụ trách*); quy hoạch xây dựng, xây dựng, quản lý và chỉnh trang đô thị, nhà ở, nhà ở xã hội;

- Tài chính (các nội dung liên quan tài chính, ngân sách trình Hội đồng nhân dân tỉnh; tài chính đối với Quỹ phát triển đất); sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp nhà nước; kinh tế đối ngoại; phát triển các loại hình doanh nghiệp, thu hút đầu tư trong nước và đầu tư nước ngoài;

- Giáo dục đào tạo; phát triển nguồn nhân lực; y tế, chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân, dân số - kế hoạch hóa gia đình; khoa học và công nghệ, công nghệ thông tin, thông tin và truyền thông, bưu chính - viễn thông;

³ Điều 7 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025

- Đầu tư theo phương thức đối tác công tư (PPP) và đầu tư công;
- + Giao/điều chỉnh kế hoạch đầu tư công;
- + Các nội dung liên quan đến chủ trương đầu tư PPP và chủ trương đầu tư công (kể cả cho chủ trương điều chỉnh/phát sinh của dự án trong quá trình thực hiện đối với trường hợp có dẫn đến điều chỉnh chủ trương đầu tư);
- + Phụ trách từ bước chủ trương đầu tư đến phê duyệt quyết toán hoàn thành đối với các dự án không có cấu phần xây dựng thuộc lĩnh vực phụ trách, các dự án do các cơ quan, đơn vị theo dõi làm chủ đầu tư (*trừ các dự án do Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh, Ban Quản lý dự án chuyên ngành nước thải tỉnh, Ban Quản lý dự án ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh làm chủ đầu tư*).

d) Theo dõi và chỉ đạo các cơ quan, đơn vị: Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Công an tỉnh, Sở Tài chính, Sở Xây dựng, Sở Nội vụ, Sở Tư pháp, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Y tế, Sở Khoa học và Công nghệ, Ban An toàn giao thông tỉnh, Bưu điện Bình Dương, Viễn thông Bình Dương; các trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp, dạy nghề trên địa bàn tỉnh.

đ) Trực tiếp làm Chủ tịch Hội đồng Thi đua – Khen thưởng tỉnh, Trưởng Ban Chỉ đạo Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp nhà nước tỉnh; Chủ tịch một số Hội đồng, Trưởng một số Ban Chỉ đạo của tỉnh thuộc lĩnh vực trực tiếp phụ trách.

2. Đồng chí Bùi Minh Thạnh - Phó Chủ tịch UBND tỉnh

a) Theo dõi, triển khai việc thực hiện quy chế phối hợp giữa UBND tỉnh với các Ban xây dựng Đảng và các cơ quan thuộc Tỉnh ủy, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh.

b) Theo dõi, chỉ đạo các lĩnh vực công tác:

- Nông nghiệp và phát triển nông thôn, xây dựng nông thôn mới; phòng, chống lụt bão, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn; đất đai, tài nguyên nước, tài nguyên khoáng sản, môi trường; đấu giá đất, giá đất; đo đạc, bản đồ; khí tượng thủy văn và biến đổi khí hậu; công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, giảm nghèo;

- Tài chính đối với các quỹ do cơ quan có thẩm quyền ở địa phương thành lập theo quy định của pháp luật⁴ (*trừ Quỹ phát triển đất do đồng chí Chủ tịch UBND tỉnh theo dõi, chỉ đạo*); kinh tế hợp tác và hợp tác xã;

- Công tác thi hành án dân sự, thi hành án hành chính; công tác tiếp công dân và giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo của tỉnh;

⁴ Quỹ đầu tư phát triển, Quỹ bảo trì đường bộ, Quỹ bảo vệ môi trường, Quỹ bảo vệ và phát triển rừng, Quỹ phát triển nhà ở, Quỹ bảo lãnh tín dụng doanh nghiệp vừa và nhỏ,...

- Đầu tư theo phương thức PPP và đầu tư công từ bước quyết định đầu tư đến phê duyệt quyết toán hoàn thành đối với dự án (*trừ những nội dung thuộc thẩm quyền của đồng chí Chủ tịch và Phó Chủ tịch khác*): Các dự án do Ban Quản lý dự án chuyên ngành nước thải tỉnh, Ban Quản lý dự án ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh làm chủ đầu tư; các dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông trọng điểm theo phân công, xây dựng công trình phục vụ nông nghiệp và phát triển nông thôn; dự án không có cấu phần xây dựng thuộc lĩnh vực phụ trách;

- Trực tiếp theo dõi, chỉ đạo công tác thẩm định, triển khai thực hiện và ký các văn bản có liên quan của các dự án giao thông trọng điểm: Dự án đường Vành đai 3 đoạn qua tỉnh Bình Dương; Dự án Đầu tư xây dựng đường Vành đai 4 Thành phố Hồ Chí Minh đoạn từ cầu Thủ Biên - sông Sài Gòn; Dự án đầu tư xây dựng Đường cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Thủ Dầu Một - Chơn Thành - đoạn qua tỉnh Bình Dương; Dự án BOT Nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 13;

- Ký kết hợp đồng dự án với nhà đầu tư PPP các lĩnh vực được phân công theo dõi, chỉ đạo theo Quyết định ủy quyền của UBND tỉnh.

c) Theo dõi và chỉ đạo các cơ quan, đơn vị: Sở Nông nghiệp và Môi trường, Thanh tra tỉnh, Văn phòng UBND tỉnh, Ban Tiếp công dân tỉnh, Cục Thi hành án dân sự tỉnh, Chi cục Thống kê tỉnh, Ban Quản lý dự án ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh, Ban Quản lý dự án chuyên ngành nước thải tỉnh, Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh, Liên minh Hợp tác xã tỉnh, Ban vì sự tiến bộ phụ nữ tỉnh; theo dõi và quản lý nhà nước đối với Trường Chính trị tỉnh.

d) Trực tiếp làm Trưởng Ban Chỉ đạo Thi hành án dân sự tỉnh, Trưởng ban Chỉ đạo Xây dựng nông thôn mới, Chủ tịch một số Hội đồng, Trưởng một số Ban Chỉ đạo của tỉnh thuộc lĩnh vực được phân công phụ trách.

đ) Các công việc khác theo sự phân công, ủy nhiệm của Chủ tịch UBND tỉnh.

3. Đồng chí Bùi Minh Trí - Phó Chủ tịch UBND tỉnh

a) Theo dõi, chỉ đạo các lĩnh vực công tác:

- Giao thông vận tải; công nghiệp, đầu tư, phát triển các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, vật liệu nổ công nghiệp; điện lực; dịch vụ, thương mại - xuất nhập khẩu; giá cả; quản lý thị trường, phòng, chống buôn lậu và gian lận thương mại; ngoại giao và quan hệ đối ngoại, hợp tác quốc tế; hội nhập kinh tế quốc tế;

- Văn hóa - nghệ thuật, thể dục, thể thao, du lịch, quảng cáo, gia đình; phát thanh truyền hình, báo chí, xuất bản; phổ biến, giáo dục pháp luật, tư vấn pháp luật, trợ giúp pháp lý; lao động – thương binh và xã hội, việc làm, chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội, trẻ em, bình đẳng giới; công tác dân tộc, tôn giáo, nhân quyền; dân chủ ở cơ sở, dân vận chính quyền; công tác thanh niên; viện trợ phi chính phủ nước ngoài, các tổ chức phi chính phủ nước ngoài (NGOs);

- Đầu tư theo phương thức PPP và đầu tư công từ bước quyết định đầu tư đến phê duyệt quyết toán hoàn thành đối với dự án (*trừ những nội dung thuộc thẩm quyền của đồng chí Chủ tịch và Phó Chủ tịch khác*): Các dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng, công trình hạ tầng kỹ thuật, các dự án do Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh làm chủ đầu tư; các dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông (trừ các công trình giao thông trọng điểm thuộc thẩm quyền của Phó Chủ tịch khác); các dự án đầu tư xây dựng công trình công nghiệp; các dự án không có cấu phần xây dựng thuộc lĩnh vực phụ trách;

- Ký kết hợp đồng dự án với nhà đầu tư PPP các lĩnh vực được phân công theo dõi, chỉ đạo theo Quyết định ủy quyền của UBND tỉnh.

b) Theo dõi và chỉ đạo các cơ quan, đơn vị: Sở Công Thương, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Ngoại vụ, Sở Dân tộc và Tôn giáo, Ban Quản lý các khu công nghiệp Bình Dương, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh, Đài Phát thanh và Truyền hình Bình Dương, Ngân hàng Chính sách Xã hội tỉnh và các ngân hàng thương mại, Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Bình Dương, Công ty Điện lực Bình Dương, Liên hiệp các Hội khoa học và kỹ thuật tỉnh, Liên hiệp các tổ chức hữu nghị tỉnh; các tổ chức hội và tổ chức phi chính phủ. Phối hợp theo dõi các cơ quan Thuế, Hải quan, Kho bạc Nhà nước, Bảo hiểm Xã hội, Ngân hàng Nhà nước trên địa bàn tỉnh.

c) Trực tiếp làm Chủ tịch một số Hội đồng, Trưởng một số Ban Chỉ đạo của tỉnh thuộc lĩnh vực được phân công phụ trách.

d) Các công việc khác theo sự phân công, ủy nhiệm của Chủ tịch UBND tỉnh.

Điều 3. Phân công theo dõi các huyện, thành phố

1. Đồng chí Võ Văn Minh - Chủ tịch UBND tỉnh theo dõi thành phố Thủ Dầu Một, thành phố Thuận An, thành phố Dĩ An.

2. Đồng chí Bùi Minh Thanh - Phó Chủ tịch UBND tỉnh theo dõi thành phố Bến Cát, huyện Dầu Tiếng, huyện Bàu Bàng.

3. Đồng chí Bùi Minh Trí - Phó Chủ tịch UBND tỉnh theo dõi thành phố Tân Uyên, huyện Phú Giáo, huyện Bắc Tân Uyên.

Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh được phân công theo dõi các huyện, thành phố có trách nhiệm: Theo dõi và chỉ đạo việc thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của huyện, thành phố và xử lý những khó khăn, vướng mắc theo trách nhiệm quyền hạn của mình; đồng thời đề xuất Chủ tịch UBND tỉnh và tập thể UBND tỉnh xem xét quyết định khi cần thiết. Hằng quý, làm việc với lãnh đạo huyện, thành phố và báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ được phân công cho Chủ tịch UBND tỉnh.

Khi Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh làm việc với các huyện, thành phố, căn cứ yêu cầu công việc UBND tỉnh sẽ mời Ủy viên UBND tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành có liên quan tham dự.

Điều 4. Trách nhiệm của Ủy viên UBND tỉnh và Thủ trưởng các sở, ban, ngành thuộc tỉnh

1. Trực tiếp theo dõi, tham mưu UBND tỉnh và Chủ tịch UBND tỉnh chỉ đạo, triển khai các nhiệm vụ của ngành, lĩnh vực được phân công phụ trách.

2. Thực hiện tốt Quy chế làm việc của UBND tỉnh và các nội dung có liên quan được quy định tại Quyết định này.

3. Tham dự các cuộc họp, buổi làm việc của Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh với các sở, ngành, đơn vị và địa phương khi được mời.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Quyết định này thay thế các văn bản khác trước đây có liên quan đến phân công công tác của Chủ tịch, Phó Chủ tịch và Ủy viên UBND tỉnh Bình Dương Khóa X, nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Điều 6. Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và các Ủy viên UBND tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHỦ TỊCH
Đã ký: Võ Văn Minh

VĂN PHÒNG UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG XUẤT BẢN

Địa chỉ: Tầng 16 - Tháp B, Tòa nhà TTHC tỉnh Bình Dương

Điện thoại: (0274).3848.243

Fax: (0274).3843.132

Email: congbaobd@gmail.com

Website: congbao.binhduong.gov.vn

In tại Công ty TNHH MTV Chung Tài Phúc